

Số: 86/DBC-VP HĐQT  
V/v: CBTT Báo cáo thường  
niên năm 2016

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 3 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam  
- Mã chứng khoán: DBC  
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 35 đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh  
- Điện thoại: 0241 3826077 Fax: 0241 3896000  
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Huệ Minh – Chánh Văn phòng HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo thường niên năm 2016.

**3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/03/2017 tại đường dẫn: [www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn).**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;  
- Lưu: VP.HĐQT, VT.

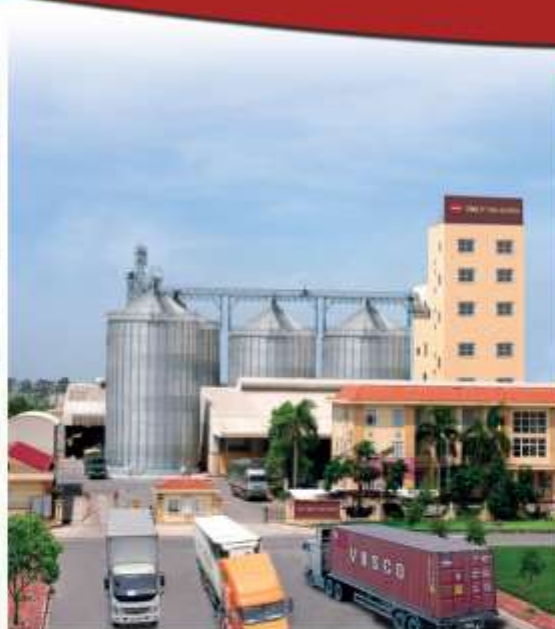


**Nguyễn Thị Huệ Minh**

**20** năm  
DABACO

Tiếp bước truyền thống  
xây dựng tương lai

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**

Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Tel: 0241. 3895 111 Fax: 0241. 3825 496

Website: [www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn) Email: [contact@dabaco.com.vn](mailto:contact@dabaco.com.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Ngày 06/03/2017

## **VIẾT TẮT**

**BCTN:** Báo cáo thường niên

**CTCP:** Công ty cổ phần

**HĐQT:** Hội đồng quản trị

**BTGD:** Ban tổng giám đốc

**BKS:** Ban kiểm soát

**Công ty:** Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

# **NỘI DUNG**

## **TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

### **PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG**

---

1. Quá trình hình thành và phát triển
  2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
  3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
  4. Định hướng phát triển
  5. Các rủi ro
- 

### **PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016**

---

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
  2. Tổ chức và nhân sự
  3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
  4. Tình hình tài chính
  5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
  6. Báo cáo phát triển bền vững
- 

### **PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
  2. Tình hình tài chính
  3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
  4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
  5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
- 

### **PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

---

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
  2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
  3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
- 

### **PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

1. Hội đồng quản trị
  2. Ban kiểm soát
  3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
- 

### **PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Thức ăn chăn nuôi, giống gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

### Sứ mệnh

Kiểm soát chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp - thực phẩm, cung cấp cho người tiêu dùng và thị trường những sản phẩm sạch, an toàn.

### Chiến lược phát triển

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO*”.

### Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2016, tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn dự báo, giá nhiều hàng hóa cơ bản ở mức thấp. Nền kinh tế trong nước cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thị trường, thời tiết và biến đổi khí hậu...

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song với kinh nghiệm và bản lĩnh của mình, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo, tổ chức sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt được kết quả tốt nhất trong vòng 20 năm qua: doanh thu đạt 108% kế hoạch và Lợi nhuận sau thuế đạt 155% kế hoạch.

Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc xác định phải xây dựng thế mạnh cạnh tranh cả về chất và lượng, từ đó không ngừng đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đặc biệt phát triển các dòng sản phẩm độc đáo và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Năm 2017, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng đã tin nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng DABACO.

Xin kính chúc Quý cổ đông nhiều thành công, thịnh vượng.



**NGUYỄN NHƯ SƠ**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

## GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



<b>Tên giao dịch:</b>	<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam</b>
<b>Giấy CNĐKDN số:</b>	2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, thay đổi lần thứ 16 ngày 16/03/2016
<b>Vốn điều lệ:</b>	752.899.590.000 đồng
<b>Vốn chủ sở hữu:</b>	2.339.141.904.502 đồng
<b>Địa chỉ:</b>	Số 35 đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
<b>Số điện thoại:</b>	0241 3826077 - 3895111
<b>Số fax:</b>	0241 3896000 - 3825496
<b>Email:</b>	<a href="mailto:contact@dabaco.com.vn">contact@dabaco.com.vn</a>
<b>Website:</b>	<a href="http://www.dabaco.com.vn">www.dabaco.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu:</b>	DBC
<b>Sàn niêm yết:</b>	Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

## I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 1996-1997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc).

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

### 1998

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

### 2000

Thành lập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 2002

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

### 2003

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hương nạc Thuận Thành.

### 2004

Khánh thành Trụ sở của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

### 2005

Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316/QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

### 2006

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

### 2007

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

### 2008

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco và Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

### 2009

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để sáp nhập Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

## 2010

Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐT&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.

## 2011

Công ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn.

Chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

## 2012

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh.

Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

## 2013

Ngày 14/02/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 627.419.230.000 đồng tương đương 62.741.923 cổ phần.

Giải thể Công ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco.

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cựa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.

## 2014

Khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

Đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý trứng tự động được nhập khẩu của hãng MOBA – Hà Lan, với các công đoạn xử lý tự động qua các khâu: Rửa trứng – Làm khô – Khử trùng bằng tia cực tím – Soi trứng – Cân, phân loại trứng – In ngày sản xuất và đóng gói sản phẩm. Nhờ vậy, sản phẩm có độ đồng đều cao và đảm bảo chất lượng, an toàn hơn cho người sử dụng.



Dây chuyền xử lý trứng tự động



## 2015

Thành lập Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ...

Đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco.

## 2016

Tháng 03/2016, Công ty đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 752.899.590.000 đồng tương đương 75.289.959 cổ phần.

Khánh thành các công trình: Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5\*; Trung tâm Thương mại Dabaco Từ Sơn.

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài. Sáp nhập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH Lợn giống Hạng Nhân Dabaco.

Mua lại Công ty cổ phần Tâm Tâm và thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.

### CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:



Top 50 Công ty Kinh doanh Hiệu quả Nhất Việt Nam năm 2012



Top 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam từ 2008 đến 2012



Giải Vàng chất lượng Quốc gia năm 2012



Top sản phẩm, dịch vụ được tin đúng năm 2011



Cúp vàng chất lượng hội nhập WTO - Top 100 thương hiệu Việt hội nhập WTO



Giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009



Cúp Vàng Nông nghiệp năm 2009



Giải Vàng Nhân hiệu cạnh tranh năm 2008



Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu vàng chất lượng

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ năm 1996 đến nay, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý, cụ thể:

2000	Huân chương lao động hạng ba
2004	- Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu <b>Anh hùng thời kỳ đổi mới</b> . - Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.
2005	- Cúp Vàng “Thương hiệu và Nhãn hiệu” - Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng cho sản phẩm TĂCN Topfeeds, Dabaco
2007	- Huân chương lao động hạng nhì. - Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng chất lượng”. - Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”. - Cúp vàng Chất lượng hội nhập cho sản phẩm TA đậm đặc cho lợn - Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao cho ngành TACN. - Cúp Vàng Topten ngành hàng Thương hiệu Việt uy tín – chất lượng cho TĂCN cao cấp Topfeeds. - Giải thưởng “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng”.
2008	- Chứng nhận hàng Nông Lâm Thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại. - Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng". - Giải thưởng Thương hiệu Việt Hội nhập WTO. - Cúp vàng cho sản phẩm Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn. - Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam".
2009	- Top 50 thương hiệu chứng khoán uy tín trên TTCK Việt Nam. - Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển". - Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"
2010	- Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển". - Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm. - Chứng nhận "Thương hiệu Việt" cho sản phẩm thức ăn hỗn hợp Topfeeds. - Top 500 thương hiệu Việt hàng đầu Việt Nam 2010.
2011	- Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng". - Top 100 hàng Việt Nam tin dùng. - Chứng nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm đạt danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng".
Các năm 2008,2009,2010, 2011,2012	Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
Các năm từ 2000 đến 2006, từ năm 2009 đến 2012	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam

2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huân chương lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng.</li> <li>- Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.</li> <li>- Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất 2012.</li> <li>- Top 15 cổ phiếu trên sàn HNX được niêm yết trên Sở GDCK Asean (Asean Star) và Top 30 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên sàn Hà Nội (HNX 30).</li> </ul>
2013	Giải thưởng Asian Feed Miller of the Year 2013
2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2014.</li> <li>- Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 - 2014 và Top 15 Doanh nghiệp đóng góp tích cực cho TTCK tại HNX từ năm 2009 – 2014.</li> <li>- Giải thưởng Công ty quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi tốt nhất do Cục Chăn nuôi trao tặng.</li> <li>- Doanh nghiệp văn hóa vì cộng đồng (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Văn hóa doanh nhân trao tặng).</li> </ul>
2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huân chương lao động hạng Nhất (lần 2).</li> <li>- Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông” và Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” cho sản phẩm “Giống Gà Ja – Dabaco” (Bộ Nông nghiệp &amp; PTNT trao tặng).</li> <li>- Top 50 thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổ chức định giá Brand Finance (Anh) bình chọn.</li> <li>- Giải thưởng sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2014 đối với sản phẩm “Trứng Gà Dabaco Omega 3”.</li> <li>- Cờ Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc năm 2015 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.</li> <li>- Cờ đơn vị thi đua xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của Bộ Công an.</li> </ul>
2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cờ thi đua của Chính phủ.</li> <li>- Bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam</li> <li>- Cờ đơn vị thi đua xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của Bộ Công an.</li> <li>- Vinh danh “Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông” và “Nhà lãnh đạo xuất sắc vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”.</li> <li>- Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2016”.</li> <li>- Giải thưởng Công ty có trang trại gà đẻ trứng lớn nhất năm 2015-2016.</li> </ul>

## 2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

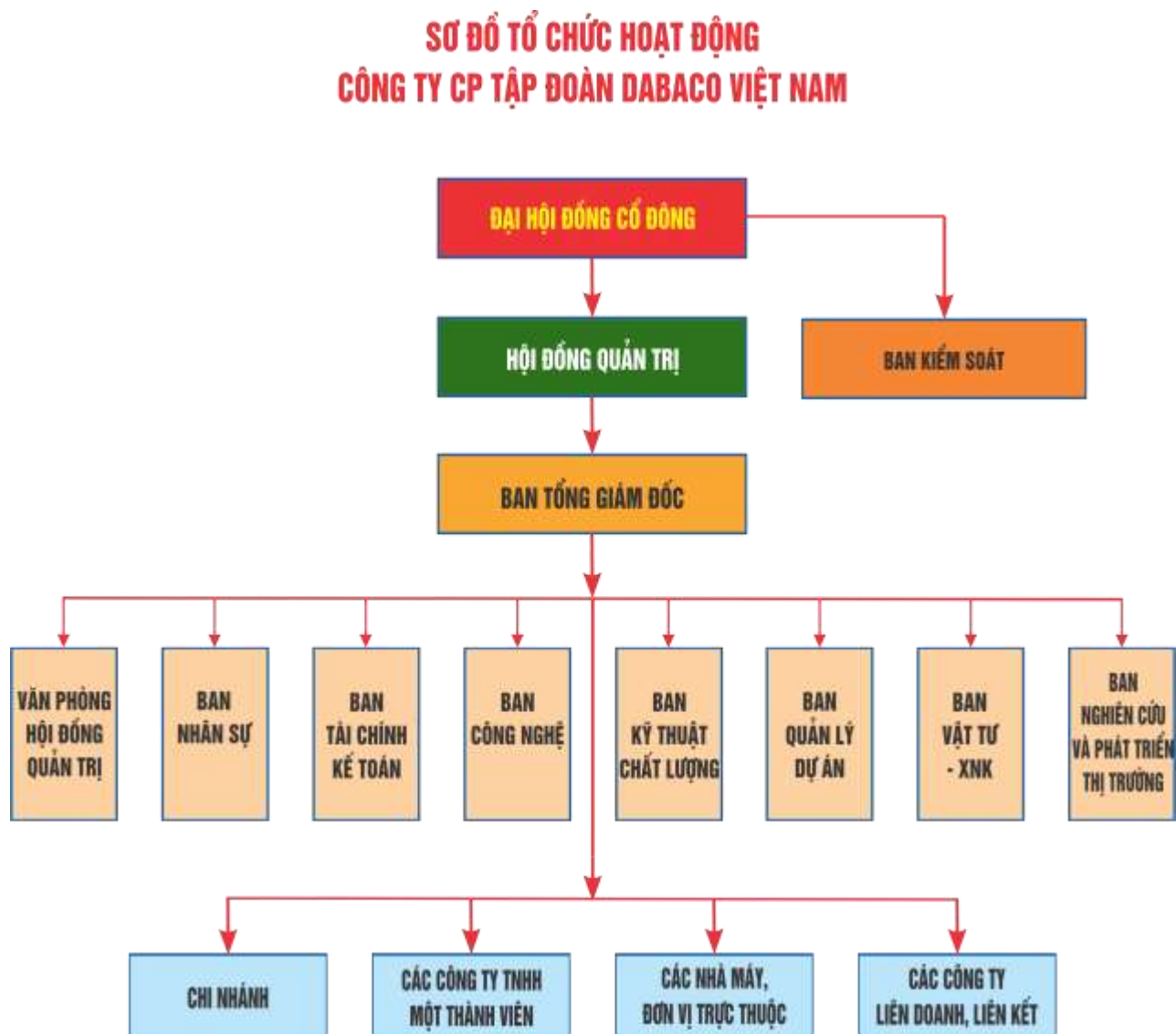
### ❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

- (1) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- (2) Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm;
- (3) Chăn nuôi gia công lợn và gà thương phẩm, gà đẻ trứng;
- (4) Sản xuất bao bì, kinh doanh dịch vụ, thương mại;
- (5) Giết mổ, chế biến thực phẩm;
- (6) Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng;
- (7) Và các lĩnh vực kinh doanh khác.

❖ **Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:**

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, con giống đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

### 3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Hiện nay, Tập đoàn DABACO Việt Nam gồm có các Công ty TNHH một thành viên và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

## **ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3821243 Fax: 0241.3737526



### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3829434 Fax: 0241.3829759



### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3825111 Fax: 0241.3825112



### **Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO Hoàn Sơn**

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3848202 Fax: 0241.3848201



### **Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất TACN; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Điện thoại: 08 54318385 Fax: 08 54317382



### **Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Điện thoại: 0241.3717358 Fax: 0241.3717359



### **Cửa hàng xăng dầu**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

Điện thoại: 0241.3723671



## **CÔNG TY TNHH MTV DO DABACO LÀM CHỦ SỞ HỮU**

### **Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.723523 Fax: 0241.723524



### **Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Chăn nuôi lợn, lợn thịt, lợn sữa, lợn giống.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724320 Fax: 0241.3724321



### **Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723713 Fax: 0241.3723764



### **Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn.

SXKD lợn giống, lợn thịt, tinh lợn. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723938 Fax: 0241.3723522



### **Công ty TNHH Lợn giống Hạng nhân DABACO**

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Chăn nuôi gia súc, gia cầm; lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3721649 Fax: 0241.3721648



### **Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề KD chính: Giết mổ, chế biến, bảo quản thịt gia súc, gia cầm. Đóng gói và đóng hộp: Thịt hộp, xúc xích,..... Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: SX món ăn sẵn từ thịt gia cầm, thịt đông lạnh hoặc thịt tươi; Sản xuất thịt hàm.

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724343 Fax: 0241.3724296



### **Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO**

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, KD rau an toàn ứng dụng công nghệ cao

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724138 Fax: 0241.3724126



### **Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit....

Vốn điều lệ: 59.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3717256 Fax: 0241.3717269



### **Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình.

Ngành nghề chính: Chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; Bán buôn, bán lẻ: Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0218 3843943 Fax: 0218 3843943



### **Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất TACN, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...

Vốn điều lệ: 17.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3717388 Fax: 0241.3717377



### **Siêu thị Dabaco:**

Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3720999 Fax: 0241.3720979



### **Trung tâm thương mại DABACO**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3737989 Fax: 0241.3737969



### **Trung tâm thương mại DABACO Nguyễn Cao**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Cao, P Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3692666



### **Siêu thị Dabaco Gia Bình**

Địa chỉ: Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3670799



### **Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, P.Đình Bảng, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.3859888





### **Công ty TNHH Bất động sản DABACO**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sàn giao dịch bất động sản,...

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3875636 Fax: 0241.3875535



### **Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO**

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng,...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3813713 Fax: 0241.3813714



### **Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi**

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi...

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724398 Fax: 0241.3724399



### **Công ty TNHH Nutreco**

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3847997 Fax: 0241.3847994



### **Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam**

Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng



**Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ**  
Địa chỉ: Khu 1 Xã Tề Lễ, Tam Nông, Phú Thọ  
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn  
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng



**Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam**  
Địa chỉ: Thượng Vỹ, Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam  
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn  
Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng



**Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng**  
Địa chỉ: Trại Viên, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng  
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn  
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng



**Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Tĩnh**  
Địa chỉ: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 55, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh  
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn  
Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng



**Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina**  
Địa chỉ: Số 45 Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.  
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng



## **CÁC DOANH NGHIỆP DỰ ÁN:**

**Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

**Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

**Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3895111 Fax: 0241.3825496

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

**Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:**

**Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

**Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam có 09 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm.

**Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Hiện nay, BKS Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch HĐQT. Các Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc theo lĩnh vực được phân công và cùng phối hợp triển khai nhiệm vụ chung của Ban Tổng Giám đốc.

## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

#### Về sản phẩm:

- Cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng thuộc Top đầu trong lĩnh vực.
- Đa dạng hóa sản phẩm; tích cực nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới, độc đáo thương hiệu Dabaco.

#### Về quy mô sản xuất:

- Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị hiện đại, môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên làm việc chất lượng, hiệu quả, năng suất cao.

#### Về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi để tạo ra các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động.

#### Phát triển mạnh mẽ chuỗi giá trị 3F:

- Mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm của mô hình chuỗi giá trị 3F (Farm – Feed – Food), đồng thời không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

#### Hệ thống quản lý chất lượng:

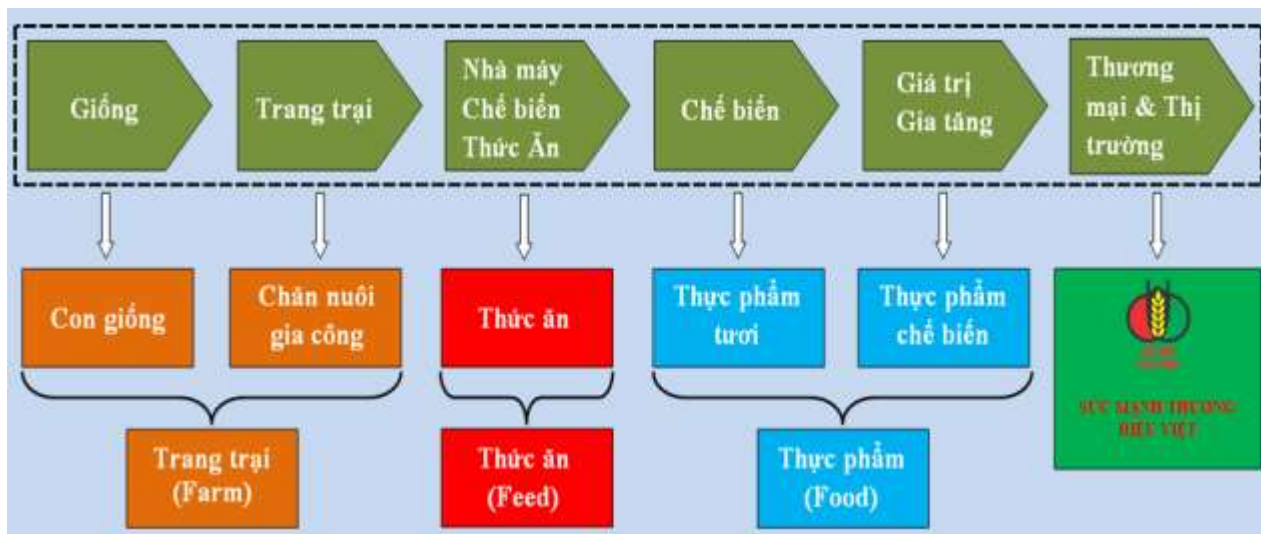
- Quyết tâm xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000, HACCP, tiêu chuẩn GMP (đối với Nhà máy chế biến thực phẩm) và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.



### ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn*

gia súc, gia cầm và thủy sản (**Feed - Thức ăn**) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (**Food - Thực phẩm**) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.



❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty:**

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua những hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, ban lãnh đạo đóng góp cho các chương trình từ thiện. Bằng cách này, công ty luôn đặt mục tiêu đóng góp nhiều nhất trong trách nhiệm xã hội của mình.



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng Nguyễn Thị Bận, xã Hòa Long, TP. Bắc Ninh



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho hộ nghèo Nguyễn Thị Nguyệt, huyện Thuận Thành, TP. Bắc Ninh

## 5. CÁC RỦI RO

### Rủi ro tỷ giá

Biến động ngoại tệ là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi vì phần lớn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ.

### **Rủi ro tài chính**

Do đặc điểm của ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty cần phải dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm, Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, lãi suất vay là yếu tố quan trọng mà công ty phải quan tâm.

### **Rủi ro về nhân sự**

Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

### **Rủi ro về cạnh tranh**

Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi có khả năng gia nhập ngành cao, có nhiều đối tượng gia nhập ngành, khiến công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

### **Rủi ro về dịch bệnh, điều kiện thời tiết**

Điều kiện thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Tập đoàn DABACO Việt Nam nói riêng phải đối mặt. Hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu đang càng ngày trở nên phức tạp. Do đó, Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001, tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, GMP và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 là năm có nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp như biến động về giá nguyên liệu, giá thực phẩm, tỉ giá ngoại tệ, sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành... Tuy nhiên, vượt qua những thách thức, tận dụng cơ hội, toàn Tập đoàn đã đạt được kết quả SXKD tốt nhất từ trước đến nay. Hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Có được kết quả trên là do có sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực không ngừng của các đơn vị trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, nâng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mức tiên tiến của thế giới, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

#### Một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm so với năm 2015	% thực hiện so với kế hoạch năm 2016
1	Doanh thu thuần (*)	5.791.392	6.255.922	8%	108%
2	LNTT hợp nhất	283.617	522.751	84,3%	151%
3	LNST hợp nhất	252.835	451.218	78,5%	155%

(\*) Không bao gồm doanh thu tiêu thụ nội bộ.

#### Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi:

Năm 2016, giá thực phẩm ổn định ở mức cao trong thời gian dài, đặc biệt là giá thịt lợn, người chăn nuôi mở rộng qui mô chăn nuôi và có lợi nhuận, tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất thức ăn nâng cao sản lượng tiêu thụ sản phẩm. Năm 2016, sản lượng TACN tiêu thụ thức ăn chăn nuôi đạt 115% kế hoạch và tăng 15% so với năm 2015.

Ngoài ra, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường, đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Tập đoàn đã không ngừng sáng tạo, cải tiến chất lượng, cho ra đời các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.



Trung tâm điều khiển



Giám sát dây chuyền sản xuất



Quy trình đóng gói sản phẩm

### **Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ con giống (gà giống, lợn giống):**

Năm 2016, kết quả SXKD của các công ty sản xuất lợn giống vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được như sau: Tỷ lệ số nái động dục tự nhiên phối là 94,64% (Trong đó: Công ty lợn giống Hạt nhân có tỷ lệ động dục tự nhiên là 100%, Công ty lợn giống Lạc Vệ là 97,4%, Công ty gia công lợn là 91,8%) ...

Năm 2016, Công ty gà giống lai tạo thành công giống gà Tân Hồ và cùng với các giống gà màu của Công ty đang dần gia tăng thị trường tiêu thụ trên cả nước.



### **Lĩnh vực chăn nuôi gà đẻ trứng:**

- Năm 2016, sản lượng trứng gà tiêu thụ đạt 94,6% kế hoạch và tăng 19,2% so với năm 2015. Công ty đã hoàn thành việc xây dựng và quảng bá rộng rãi bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm trứng gà Dabaco, đặc biệt là bộ 4 loại trứng giá trị gia tăng (Omega3, DHA, Selen và Trứng vỏ xanh), đây là tiền đề giúp công ty thực hiện được mục tiêu nâng sản lượng tiêu thụ trứng giá trị gia tăng.



*Trứng gà xanh*

*Trứng gà Omega 3*

*Trứng gà DHA*

*Trứng gà Selen*

### **Lĩnh vực chăn nuôi gia công:**

- Lợn thịt: Hệ thống trang trại chăn nuôi gia công lợn được phát triển tại nhiều tỉnh, thành phố ở khu vực phía Bắc. Năm 2016 sản lượng lợn thịt hơi tiêu thụ đạt 18.527 tấn.



### **Lĩnh vực chế biến thực phẩm:**



Năm 2016, ngành thực phẩm gặp phải một số khó khăn từ các thông tin về thị trường, hậu quả là người tiêu dùng giảm mạnh tiêu thụ các sản phẩm chế biến, mặc dù sau đó cơ quan quản lý đã đính chính thông tin trên các phương tiện truyền thông nhưng sự cố này vẫn làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tiêu thụ của ngành thực phẩm chế biến nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty chế biến thực phẩm Dabaco nói riêng.

Mục tiêu trong thời gian tới, công ty tiếp tục khai thác hiệu quả hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại và lợi thế theo chuỗi giá trị khép kín của Tập đoàn, nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị trường, kênh phân phối.



**Lĩnh vực thương mại và dịch vụ:**

Năm 2016, hoạt động kinh doanh nguyên liệu của Công ty Thương mại hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của hệ thống Siêu thị chưa đạt kế hoạch đề ra, song năm 2016 hoạt động của hệ thống siêu thị có nhiều tích cực, lượng khách đến với hệ thống ngày một đông, sức mua tăng. Hệ thống siêu thị của Tập đoàn đã góp phần bình ổn giá trên địa bàn tỉnh, phát triển thương hiệu, xây dựng ý thức tiêu dùng văn minh hiện đại, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Ngày 15/01/2017, Tập đoàn đã khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn có qui mô lớn và hiện đại, với đầy đủ các phân khu chức năng như hệ thống bán lẻ, hệ thống nhà hàng, nhà sách, cụm rạp chiếu phim...

**Lĩnh vực sản xuất bao bì:**

Năm 2016, hoạt động sản xuất và tiêu thụ bao bì đạt kết quả tốt, hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận. Khoảng 40% số lượng bao bì sản xuất ra cung cấp cho các Nhà máy TACN trong Tập đoàn, còn lại xuất khẩu và bán ra thị trường nội địa.



*Bao dệt PP thường*



*Bao dệt PP phức màng*



*Túi dệt PP siêu thị*

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ❖ Danh sách Ban điều hành

<b>1. Tổng Giám đốc</b>	<b>Ông Nguyễn Khắc Thảo</b>
<b>Năm sinh</b>	1957
<b>Nơi sinh</b>	Bắc Ninh
<b>Tỷ lệ nắm giữ cổ phần</b>	1,12%
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
10/1979 – 09/1982	Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục ngạn, Bắc Giang
10/1982 – 10/1985	Học Đại học Thương mại Hà Nội
11/1985 – 12/1996	Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Giám đốc Vật tư - XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 03/2011	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Dabaco Việt Nam
03/2011- 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
05/2015 đến nay	Phó CT.HĐQT kiêm TGD Tập đoàn Dabaco Việt Nam
<b>2. Phó Tổng Giám đốc</b>	<b>Ông Nguyễn Văn Tuấn</b>
<b>Năm sinh</b>	1958
<b>Nơi sinh</b>	Bắc Ninh
<b>Tỷ lệ nắm giữ cổ phần</b>	0,1%
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	
10/1982 – 12/1994	Công tác tại huyện Thuận Thành, Hà Bắc
01/1995 – 12/1997	Công tác tại Công ty Vật tư Nông nghiệp Bắc Giang
01/1998 – 04/1999	Trưởng phòng kế hoạch Công ty Nông sản Bắc Ninh
05/1999 – 12/2004	Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 04/2015	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dabaco Việt Nam
<b>3. Phó Tổng Giám đốc</b>	<b>Ông Nguyễn Thế Tường</b>
<b>Năm sinh</b>	1970
<b>Nơi sinh</b>	Bắc Ninh
<b>Tỷ lệ nắm giữ cổ phần</b>	1,06%
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
05/1996 – 06/1999	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc
07/1999 – 12/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
01/2005 – 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
05/2008 – 05/2015	TV HĐQT, GD KT-CL Tập đoàn DABACO Việt Nam
05/2015 – nay	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

**4. Phó Tổng Giám đốc kiêm****Kế toán trưởng****Năm sinh****Nơi sinh****Tỷ lệ nắm giữ cổ phần****Trình độ chuyên môn****Quá trình công tác**

Từ 06/1986 đến 04/1996

Từ 05/1996 đến 12/2004

Từ 01/2005 đến 05/2008

Từ 05/2008 đến 03/2011

Từ 03/2011 đến 05/2015

Từ 05/2015 đến nay

**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**

1964

Bắc Ninh

1,7%

Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương

Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam

**5. Phó Tổng Giám đốc****Năm sinh****Nơi sinh****Tỷ lệ nắm giữ cổ phần****Trình độ chuyên môn****Quá trình công tác**

Từ 10/1974 đến 10/1977

Từ 10/1977 đến 04/1982

Từ 05/1982 đến 05/1987

Từ 06/1987 đến 08/1988

Từ 09/1988 đến 08/1989

Từ 09/1989 đến 09/1991

Từ 10/1991 đến 04/1996

Từ 05/1996 đến 08/1997

Từ 08/1997 đến 08/1999

Từ 09/1999 đến 11/2000

Từ 12/2000 đến 10/2005

Từ 11/2005 đến 02/2008

Từ 03/2008 đến 12/2010

Chức vụ công tác hiện nay

**Ông Nguyễn Trọng Kịch**

1954

Bắc Ninh

0%

Kỹ sư chăn nuôi

Bộ đội

Chi ủy viên bí thư chi đoàn CN 11B, Ủy viên BCH đoàn trường Trường Đại học Nông nghiệp II

Cán bộ tỉnh đoàn Hà Bắc

Cán bộ văn phòng huyện ủy huyện Tiên Sơn - Hà Bắc

Huyện ủy viên - Quyền chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn

Chi ủy viên Lớp phó lớp Cao đẳng quản lý nhà nước 89-91 Học viện hành chính quốc gia

Huyện ủy viên Chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn

Huyện ủy viên – Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Tiên Sơn

Ủy viên BTV huyện ủy trưởng ban dân vận huyện ủy

Ủy viên BTV Huyện ủy – Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện Tiên Du

Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tiên Du

Chi cục trưởng Kiểm Lâm Bắc Ninh

Phó Giám đốc Sở Khoa Học và Công Nghệ

Phó TGD Tập đoàn DABACO Việt Nam

**6. Phó Tổng Giám đốc****Năm sinh****Nơi sinh****Tỷ lệ nắm giữ cổ phần****Trình độ chuyên môn****Quá trình công tác**

Năm 2001 – 2003

Năm 2003 – 05/2009

09/2009 – 06/2010

07/2010 – 02/2011

03/2011 – 05/2014

Chức vụ hiện nay

**Ông Phạm Văn Học**

1978

Bắc Ninh

0,01%

Bác sỹ thú y, thạc sỹ chăn nuôi

Công tác tại Công ty CP Việt Nam – Thái Lan

Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh

Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh

PGĐ Cty Lợn giống Dabaco - CT CP Dabaco Việt Nam

Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

**7. Phó Tổng Giám đốc****Năm sinh****Nơi sinh****Tỷ lệ nắm giữ cổ phần****Trình độ chuyên môn****Quá trình công tác**

12/1985 – 03/1986

04/1986 – 05/1995

06/1995 – 12/1996

01/1997 – 12/1999

01/2000 – 12/2001

01/2002 – 06/2003

07/2003 – 7/2006

08/2006 – 6/2009

07/2009 – 4/2016

11/2016 – nay

**Ông Nguyễn Thế Chinh**

1962

Bắc Ninh

0%

Kỹ sư xây dựng

Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc

Chuyên viên Sở Lao động – Thương binh và xã hội Hà Bắc

Chuyên viên Cục Đầu tư phát triển Hà Bắc

Phó phòng Kế hoạch thẩm định – Chi cục Đầu tư phát triển Bắc Ninh

Phó phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Ninh

Chuyên viên Sở Xây dựng Bắc Ninh

Phó phòng Kỹ thuật Giám định – Sở Xây dựng Bắc Ninh

TP quản lý chất lượng – Sở Xây dựng Bắc Ninh

TP quản lý Hạ tầng – Sở Xây dựng Bắc Ninh

Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

**8. Phó Tổng Giám đốc****Năm sinh****Nơi sinh****Tỷ lệ nắm giữ cổ phần****Trình độ chuyên môn****Quá trình công tác**

Năm 2000 – 2001

Năm 2002 – 2005

Năm 2005 – 2007

Năm 2007 – 2011

Năm 2011 – 2016

Từ tháng 09/2016 – nay

**Ông Nguyễn Văn Bằng**

1977

Thái Nguyên

0%

Cử nhân quan hệ quốc tế

Công tác tại P. dự án CIENCO 8

Công tác tại Công ty điện tử công nghiệp

Cán bộ Ban quốc tế Trung ương đoàn

Phó Giám đốc Công ty May Minh Anh

Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Giấy An Hòa

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

### ❖ Thay đổi nhân sự:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	06/09/2016	
Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc	21/11/2016	
Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc		24/08/2016

### ❖ Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2016, số lượng CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam là **3.795** người. Trong đó: Trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 37,2%; Cao đẳng, Trung cấp, nghề chiếm 44%; Còn lại là lao động phổ thông đào tạo tại chỗ.

### ❖ Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

#### Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

DABACO xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các giải pháp tập trung nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện, đánh giá theo thành tích, đào tạo để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp... được phát triển và liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của DABACO.

DABACO trân trọng những giá trị do các thành viên tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tập đoàn, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại DABACO.

#### Chính sách tuyển dụng nhân sự

Trong bối cảnh gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN, các doanh nghiệp trong nước không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ - sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế ASEAN. Để thu hút đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của DABACO được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người. DABACO luôn mong muốn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những thách thức đến từ công việc và môi trường kinh doanh của DABACO.

#### Chính sách đào tạo nhân sự

Với hoạt động sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề, DABACO luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ cạnh tranh, sự biến động kinh tế vĩ mô và những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Để nắm bắt và thích ứng nhanh với những thay đổi đó, các thể hệ cán bộ, nhân viên DABACO phải không ngừng học tập để góp phần phát triển và đạt được nhiều thành quả to lớn trong suốt hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành.

Trong năm 2016, DABACO tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. Năm 2016, DABACO đã triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống DABACO.

### **Chính sách đối với người lao động**

Mặc dù trong tình hình khó khăn, Tập đoàn vẫn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

### **Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên**

Tập đoàn thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn như hỗ trợ xây nhà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức thăm hỏi khi người lao động ốm đau, thai sản, sinh nhật và các chế độ khác như hiếu hỉ, cưới hỏi, v.v... Hàng năm, công ty tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ dưỡng; Tổ chức tặng quà cho CBCNV nữ nhân dịp 8/3; Tặng quà cho các cháu là con CBCNV của công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi, đỗ đại học...



### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Năm 2016, Tập đoàn đã đưa vào hoạt động đúng tiến độ các dự án sau:

3.1. Tháng 10/2016 dự án Cảng bốc xếp hàng hóa giai đoạn 1 đã được đưa vào hoạt động.



3.2. Ngày 28/12/2016 Tập đoàn khánh thành và khai trương khách sạn Le Indochina (Khách sạn Đông Dương) đạt tiêu chuẩn quốc tế 5\* tại số 45 Nguyễn Đăng Đạo, Thành phố Bắc Ninh.



Le Indochina Hotel & Spa là khách sạn đầu tiên của tỉnh Bắc Ninh được Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam cấp chứng nhận đạt chuẩn 5 sao. Với hệ thống Phòng nghỉ sang trọng được thiết kế đa dạng từ chất lượng tiêu chuẩn đến cao cấp. Trang thiết bị nội thất tinh tế, hiện đại cùng với các dịch vụ bao gồm: Hệ thống Nhà hàng; Phòng hội thảo Quốc tế, Hội trường, Trung tâm tổ chức tiệc cưới, Century 14 Bar, Beauty Salon, Spa, Bể bơi bốn mùa, Phòng tập Gym... Dịch vụ phòng 24/24 tạo nên không gian thư giãn tinh tế, độc đáo và những tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

3.3. Ngày 15/01/2017, Tập đoàn khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại Dabaco Từ Sơn có qui mô lớn và hiện đại tại Khu đô thị Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn.



3.4. Dự án Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu (thực hiện theo hình thức BT – Xây dựng – chuyển giao): Năm 2016, đã hoàn thiện toàn bộ các hạng mục công trình và tổ chức lễ khánh thành vào ngày 10/02/2017.



3.5. Năm 2016, Tập đoàn tập trung triển khai đầu tư xây dựng một số dự án và dự kiến Quý 2/2017 đưa vào hoạt động, bao gồm: Nhà máy TACN tại Hà Nam; các Khu chăn nuôi lợn giống tại Hà Nam, Hải Phòng, Phú Thọ, Lương Tài (Bắc Ninh).

3.6. Ngày 09/01/2017, Tập đoàn đã tổ chức lễ khởi công xây dựng Nhà máy ép dầu thực vật tại Cụm công nghiệp Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.



*Phối cảnh tổng thể Dự án Nhà máy ép dầu thực vật*

Dự án Nhà máy ép dầu thực vật được xây dựng với diện tích hơn 6 ha, công suất 1.000 tấn hạt đậu nành/ngày. Đây là nhà máy đầu tiên tại Việt Nam vừa ép dầu thô vừa tinh luyện dầu ăn. Quy trình dây chuyền công nghệ và thiết bị của Nhà máy ép dầu thực vật được bố trí qua các công đoạn bảo đảm tính khoa học và chính xác, toàn bộ dây chuyền công nghệ và thiết bị của nhà máy được nhập khẩu đồng bộ từ Châu Âu. Dự kiến Nhà máy sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong thời gian 14 tháng, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhiều lao động tại nhà máy và hàng triệu lao động trong cả nước tham gia vùng nguyên liệu trồng cây có dầu phục vụ cho Nhà máy.



3.7. Năm 2017, Tập đoàn triển khai các dự án Nhà máy sản xuất bao bì xuất khẩu; Các khu chăn nuôi lợn giống tại Tuyên Quang, Hà Tĩnh; Khu chăn nuôi gà giống tại Yên Thế (Bắc Giang) và Bình Phước; Nhà máy TACN tại Hà Tĩnh và Phú Thọ...

#### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

##### a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.615.210.727.082	5.529.271.823.459	19,8
Doanh thu thuần	5.791.392.529.288	6.255.922.594.794	8
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	282.610.939.921	371.852.646.647	31,6
Lợi nhuận khác	1.006.270.459	150.898.444.344	14.896
Lợi nhuận trước thuế	283.617.210.380	522.751.090.991	84,3
Lợi nhuận sau thuế	252.835.571.205	451.218.626.346	78,5
Tỷ lệ cổ tức	25%	15%	-40

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,23
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,65
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,58
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,37	1,36
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,0	5,0
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,25	1,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,37	7,2
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13	19,3
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,48	8,2
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,9	5,9

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn được duy trì lành mạnh, hầu hết các chỉ số tài chính đều tăng trưởng dương. Ngoài yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh tốt, công tác quản lý tài chính luôn được chú trọng để đảm bảo tài chính của công ty được quản lý một cách chặt chẽ nhất.

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### ❖ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **75.289.959** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

### ❖ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 21/06/2016:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>55.971.467</b>	<b>74,34</b>
	- Cổ đông lớn	21.076.147	28
	- Cổ đông nhỏ	34.895.320	46,3
	- Cổ đông tổ chức	11.440.737	15,2
	- Cổ đông cá nhân	44.530.730	59,1
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>19.318.492</b>	<b>25,66</b>
	- Cổ đông lớn	6.564.960	8,72
	- Cổ đông nhỏ	12.753.532	16,94
	- Cổ đông tổ chức	19.020.725	25,26
	- Cổ đông cá nhân	297.767	0,4
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>75.289.959</b>	<b>100</b>

### ❖ Danh sách cổ đông lớn cập nhật ngày 11/07/2016:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Như So	Số 87 Lê Văn Thịnh, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	13.756.868	18,27
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	8.989.901	11,94
3	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	1 Raffles Place, #29-02 One Raffles Place, Singapore (048616)	6.564.960	8,72
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>29.311.729</b>	<b>38,93</b>

### ❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2016, Công ty thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông. Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành là: 62.741.923 cổ phiếu. Số cổ phiếu phát hành là: 12.548.036 cổ phiếu (tương đương 20% vốn điều lệ). Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành là: 75.289.959 cổ phiếu (tương đương 752.899.590.000 đồng).

❖ *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

❖ *Các chứng khoán khác:* Không có

## 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Trong xu hướng hội nhập ngày càng mạnh mẽ, để hòa mình vào dòng chảy toàn cầu, xuyên suốt hành trình phát triển, Tập đoàn đã ý thức rõ trách nhiệm của mình không chỉ với khách hàng, cổ đông, người lao động mà còn với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Tập đoàn DABACO Việt Nam là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình chuỗi giá trị từ con giống, thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi gia công và chế biến thực phẩm. Mô hình này gắn liền với nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam. Trong chiến lược phát triển của mình Tập đoàn luôn đặt mục tiêu phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội như một nhiệm vụ, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, trong quá trình phát triển, Tập đoàn luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Là một trong những doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi và con giống gia súc, gia cầm, Tập đoàn nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Tập đoàn luôn xác định chỉ có thể thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với mục tiêu thực thi trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và môi trường. Đồng thời, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan với hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 6.1. Môi quan hệ bền vững với các bên liên quan:

#### ❖ *Đối với khách hàng, người tiêu dùng:*

Công ty cam kết cung cấp cho khách hàng, người tiêu dùng những sản phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng hàng đầu; những dịch vụ nhanh chóng, kịp thời.

Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị mới cho sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

Đảm bảo cơ hội cạnh tranh công bằng trên thị trường cho khách hàng. Cam kết không cung cấp, chia sẻ thông tin kinh doanh của khách hàng với đối thủ cạnh tranh của khách hàng đó.

#### ❖ *Đối với cổ đông, nhà đầu tư:*

Công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ, rõ ràng và kịp thời, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.

Tập đoàn duy trì kênh thông tin hiệu quả cho các cổ đông, nhà đầu tư thông qua: Website, Báo cáo thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trả lời qua email, trả lời qua điện thoại và các hoạt động khác.



❖ **Đối với người lao động:**

Bên cạnh các chế độ đãi ngộ đối với người lao động, công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh, thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo của mình trong công việc.

Tập đoàn cam kết đảm bảo đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng của người lao động theo qui định của Bộ luật lao động và các qui định khác của Nhà nước có liên quan.

❖ **Đối với đối tác:**

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.

❖ **Đối với chính quyền, cơ quan Nhà nước:**

Tuyệt đối tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp Ngân sách địa phương theo qui định.

❖ **Đối với cộng đồng:**

Có trách nhiệm chia sẻ, hỗ trợ góp phần nâng cao, cải thiện và phát triển cuộc sống cộng đồng.



## **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguồn nguyên vật liệu phục vụ các Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu trực tiếp, đồng thời tăng cường khai thác nguồn nguyên liệu trong nước, đảm bảo về số lượng, chất lượng và giá cả hợp lý, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

## **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

Năm 2016, các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi của Tập đoàn tiêu thụ 21.943.871 kwh điện năng. Ban công nghệ Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu đổi mới trang thiết bị và tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

## **6.4. Tiêu thụ nước:**

Năm 2016, khối lượng nước sạch tiêu thụ là 75.963 m<sup>3</sup>. Nguồn nước được lấy từ hệ thống cung cấp nước của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh.

## **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Tập đoàn luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi triển khai xây dựng; Thực hiện quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần và lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ nộp cho các cơ quan quản lý môi trường để kịp thời khắc phục những ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn qui định.

### **❖ Đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi:**

- Do tính chất sản xuất của Nhà máy, sau ngày làm việc quản đốc phân xưởng kiểm tra nhắc nhở công nhân làm tốt công tác vệ sinh khu vực mình làm, nhất là bộ phận tiếp liệu và nguyên liệu bổ sung. Sau mỗi tuần sản xuất, tổng vệ sinh trong và ngoài nhà máy.

- Hàng năm, Tập đoàn đều phát động phong trào trồng cây xanh bao quanh nhà máy, vừa làm tăng mỹ quan, vừa làm xanh, sạch môi trường. Sử dụng hệ thống nước máy công nghiệp và bể chứa dự trữ đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho sản xuất, sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xây bằng gạch đảm bảo thoát nhanh nhất, đáy bê tông và có nắp đậy bằng tấm đan đồ bê tông.

- Áp dụng nhiều phương pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn và bụi tới khu vực xung quanh, bảo vệ sức khỏe cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Quy trình công nghệ dây chuyền sản xuất của nhà máy được đánh giá là không ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn và nồng độ bụi nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo TCVN do Bộ Tài nguyên và môi trường qui định.

### **❖ Đối với các đơn vị sản xuất con giống gia súc, gia cầm:**

- Nguồn nước thải sau sản xuất đáp ứng đúng tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra hệ thống chung của tỉnh Bắc Ninh bằng việc đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống biogas, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, theo phương pháp keo tụ - tạo bông, kết hợp với sinh học hiếu khí cho tất cả các đơn vị sản xuất, chăn nuôi. Trồng cây xanh xung quanh khu vực chăn nuôi, thực hiện các biện pháp chăn nuôi thú y và các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài công ty...

- Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý chất thải với công nghệ xử lý hiện đại nhất hiện nay được nhập khẩu từ Nhật Bản, bao gồm hệ thống xử lý nước thải, dây chuyền xử lý phân tập trung, dây chuyền máy ép viên đóng bao, thiết bị tách phân, thiết bị xử lý xác gia súc, gia

cầm, đảm bảo giải quyết triệt để các ảnh hưởng đối với môi trường, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ đáp ứng nhu cầu của ngành trồng trọt.

- Tích cực tham gia hưởng ứng ngày môi trường thế giới và tuần lễ quốc gia về môi trường hàng năm với các hình thức như: Tổ chức tuyên truyền bằng hình thức treo băng rôn hưởng ứng tại trụ sở làm việc; tổ chức cho các đoàn thanh niên của các chi đoàn trực thuộc tham gia các hoạt động về môi trường như: trồng cây xanh, dọn dẹp vệ sinh môi trường sống xung quanh...; tích cực đóng góp cho phong trào “Toàn dân xây dựng nông thôn mới”...

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên liên tục trong suốt những năm qua Tập đoàn được Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh đánh giá là đơn vị đi đầu, luôn chấp hành tốt và không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

### ***a) Số lượng lao động, mức lương trung bình của người lao động:***

- Tổng số lao động của toàn Công ty tính đến 31/12/2016 là 3.795 người, thu nhập bình quân là 8,6 triệu đồng/người/tháng; 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.

### ***b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:***

- Tuân thủ đúng các qui định của pháp luật lao động và nội qui lao động, thỏa ước lao động tập thể về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; ngày làm việc 8 giờ; nghỉ giữa ca...

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ nghỉ ngơi như: nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép... Việc chấm công được ghi chép đầy đủ.

- Tổ chức cho toàn thể CBCNV-LĐ ăn bữa ăn ca miễn phí đảm bảo sạch sẽ, đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như thăm hỏi, thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản... thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm thân thể cho người lao động theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước; làm tốt công tác BHLĐ, vệ sinh lao động, ký kết và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-LĐ...

- Tổ chức thăm hỏi CBCNV-LĐ lúc ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ của bản thân người lao động và tứ thân phụ mẫu; tặng quà cho cán bộ nữ CNVC –LĐ nhân dịp 8/3; tặng quà cho các cháu là con cán bộ công nhân viên công ty có thành tích học tập tốt, ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu...

- Tổ chức cho toàn bộ CBCNV-LĐ Công ty đi tham quan nghỉ dưỡng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa, Quảng Ninh...

- Luôn tạo điều kiện cho NLĐ được tham gia ý kiến, quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ như chính sách tiền lương, nội quy lao động, nội quy PCCC, nội quy ra vào cơ quan.

- Luôn chú trọng đến chất lượng công tác xây dựng và ký kết TULĐTT với chính sách ưu đãi thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao, tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Duy trì việc ký kết TULĐTT, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chính sách mới của Nhà nước liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ.

### **c) Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Đối với công nhân lao động trực tiếp: Thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, đảm bảo công nhân đạt kỹ năng thuần thục công việc tại vị trí đảm nhận.

- Đối với cán bộ, nhân viên thị trường: Đào tạo về chuyên môn, đào tạo thực nghiệm tại trại, kỹ năng bán hàng, kỹ năng mềm...; Phối hợp với các đối tác của công ty tổ chức các buổi đào tạo về kỹ thuật nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng và trình độ chăn nuôi thú y cho đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường.

- Đối với cán bộ quản lý, kỹ thuật: Thường xuyên được cử đi đào tạo, tập huấn tại các cơ sở đào tạo, các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Các đối tượng khác, tùy theo đặc thù công việc, công ty tổ chức các khóa đào tạo tại đơn vị hoặc cử cán bộ theo học như: quản lý sản xuất, kho tàng, cơ điện, quản lý chi phí, vật tư, kế toán, bán hàng...

### **6.7. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Trong những năm qua, công ty luôn chủ động, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình như:

- Vận động toàn thể CBCNV tham gia ủng hộ “quỹ mái ấm công đoàn”, “quỹ hỗ trợ người nghèo” của địa phương, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai....

- Hỗ trợ sản phẩm cho người chăn nuôi tại các vùng khó khăn.

- Trực tiếp thực hiện các chương trình Tết vì người nghèo, quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa...

- Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng tại các địa phương trong tỉnh và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng các thiết chế sinh hoạt văn hóa cộng đồng.....

Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa nhà sản xuất với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Tập đoàn, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.



*Tập đoàn DABACO Việt Nam trao nhà tình nghĩa cho hộ nghèo tại huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh*



*Tập đoàn DABACO Việt Nam tặng ô tô điện cho xã lạc vệ huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh*



*Tập đoàn DABACO Việt Nam tặng đàn bò giống cho xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam*

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Vượt qua khó khăn và thách thức, tận dụng cơ hội, năm 2016, hầu hết các đơn vị trong Tập đoàn đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu kết quả SXKD của Tập đoàn đạt cao nhất từ trước đến nay, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu tiêu thụ (gồm cả tiêu thụ nội bộ) là 9.127 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch và tăng 5% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 523 tỷ đồng, đạt 151% kế hoạch và tăng 84% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 451 tỷ đồng, đạt 155% kế hoạch và tăng 78% so với năm 2015.

❖ **Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2016:**

- Nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng thành công sản phẩm Xơ lên men tốt cho hệ tiêu hóa của lợn nái, cải thiện số lượng lợn con sinh ra và tỉ lệ sống sau khi sinh và giảm được khẩu phần ăn cho lợn nái chữa, giúp giảm chi phí thức ăn.

- Bước đầu công ty đã tìm ra được những loại thảo dược, phụ gia có thể thay thế kháng sinh đường tiêu hóa.

- Tiến hành nhiều khảo nghiệm lựa chọn những phụ gia có hiệu quả; khảo nghiệm các mức dinh dưỡng khác nhau, các quy trình nuôi khác nhau để tìm ra nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho từng loại vật nuôi, từng giai đoạn nuôi. Từ đó đưa ra các quy trình chăn nuôi mới áp dụng cho thị trường và cho chăn nuôi gia công nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng sản phẩm và tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Cải tiến khuôn lô, đặt thêm các loại khuôn với độ mở khác nhau phù hợp với từng loại công thức từ đó giúp tăng năng suất, chất lượng viên cám được nâng cao; giảm chi phí xây dựng công thức, giảm chi phí điện năng, tuổi thọ khuôn của máy.

- Lắp cảm biến nhiệt các góc buồng lạnh cho toàn bộ các Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trong Tập đoàn, thay đổi hệ thống phun ri đường làm cho chất lượng cám đồng đều hơn.

- Lai tạo thành công giống gà Tân Hồ và cùng với các giống gà màu của Công ty đang dần gia tăng thị trường tiêu thụ trên cả nước.

- Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công được người tiêu dùng ưa thích như: Gà J-DABACO, Gà 9 cựa, Bộ 3 Gà Nòi (Gà Nòi chân vàng, Gà Nòi ô tía và Gà Nòi sọc đen); Gà đẻ trứng xanh; Gà thảo dược...

- Xây dựng và quảng bá rộng rãi bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm trứng gà Dabaco, đặc biệt là bộ 4 loại trứng giá trị gia tăng (Omega3, DHA, Selen và Trứng vỏ xanh), đây là tiền đề giúp công ty thực hiện được mục tiêu nâng sản lượng trứng giá trị gia tăng chiếm 40% tổng sản lượng trứng của công ty.

- Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm thực phẩm độc đáo chế biến từ thịt gia súc, gia cầm của Tập đoàn như: Gà ác, Gà xào xả ớt, xúc xích phô mai...



## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### ❖ Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3.228.355.446.050</b>	<b>58,4</b>	<b>3.118.937.874.056</b>	<b>67,6</b>	<b>109.417.571.994</b>	<b>3,5</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	279.750.579.921	5,1	146.261.183.367	3,2	133.489.396.554	91,3
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	369.523.819.498	6,7	273.332.627.489	5,9	96.191.192.009	35,2
Các khoản phải thu ngắn hạn	595.261.641.829	10,8	425.348.123.473	9,2	169.913.518.356	39,9
Hàng tồn kho	1.937.658.395.282	35	2.248.878.404.178	48,7	(311.220.008.896)	(13,8)
Tài sản ngắn hạn khác	46.161.009.520	0,8	25.117.535.549	0,5	21.043.473.971	83,8
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.300.916.377.409</b>	<b>41,6</b>	<b>1.496.272.853.026</b>	<b>32,4</b>	<b>804.643.524.383</b>	<b>53,8</b>
Tài sản cố định	1.400.713.615.637	25,3	1.166.313.800.521	25,3	234.399.815.116	20
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.600.000.000	0,4	600.000.000	0	20.000.000.000	3333
Tài sản dài hạn khác	15.917.265.085	0,3	17.179.313.254	0,4	(1.262.048.169)	(7,3)
Lợi thế thương mại	3.545.376.809	0,1	4.727.169.089	0,1	(1.181.792.280)	(25)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.529.271.823.459</b>	<b>100</b>	<b>4.615.210.727.082</b>	<b>100</b>	<b>914.061.096.377</b>	<b>19,8</b>

Tổng tài sản công ty tính đến ngày 31/12/2016 là 5.529.271 triệu đồng, tăng 19,8% so với năm 2015. Kết cấu tài sản của Tập đoàn nghiêng về tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn chiếm tỷ lệ 41,6% trên tổng tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ 58,4% trên tổng tài sản năm 2016. Trong đó, tốc độ gia tăng của tài sản dài hạn có phần nhanh hơn tốc độ gia tăng của tài sản ngắn hạn.

Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kết cấu tài sản, phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản. Việc mở rộng quy mô dự trữ hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

### **Tình hình nguồn vốn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
<b>Nợ phải trả</b>	3.190.129.918.957	57,7	2.668.763.190.851	57,8	521.366.728.106	19,5
Nợ ngắn hạn	2.629.726.611.851	47,6	2.410.964.470.019	52,2	218.762.141.832	9,1
Nợ dài hạn	560.403.307.106	10	257.798.720.832	5,6	302.604.586.274	117,4
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	2.339.141.904.502	42,3	1.946.447.536.231	42,2	392.694.368.271	20,2
Vốn chủ sở hữu	2.339.141.904.502	42,3	1.946.447.536.231	42,2	392.694.368.271	20,2
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>5.529.271.823.459</b>	<b>100</b>	<b>4.615.210.727.082</b>	<b>100</b>	<b>914.061.096.377</b>	<b>19,8</b>

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn cuối năm 2016 tăng 914.061 triệu đồng tương ứng mức tăng 19,8% so với năm 2015. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ 57,7% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 42,3% trên tổng nguồn vốn năm 2016.

Trước sự gia tăng của tài sản, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu hiện có, Tập đoàn sử dụng nhiều nguồn tài trợ khác để tài trợ cho sự tăng lên của tài sản, chủ yếu là nguồn tín dụng thương mại với người bán, vay ngắn hạn, dài hạn và nợ thuê tài chính.

### **3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

- Miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực xây dựng cơ bản và chế biến thực phẩm.

- Thực hiện tái cấu trúc và thành lập một số công ty con, chi nhánh trực thuộc nhằm mở rộng mô hình kinh doanh gồm: Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina, Công ty TNHH lợn giống Dabaco Lương Tài và Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn – Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh.

- Sáp nhập Công ty TNHH lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH lợn giống Hạt nhân Dabaco; Mua lại Công ty cổ phần Tâm Tâm (tại Bắc Ninh) và thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.

- Thành lập các tổ công tác để hỗ trợ một số đơn vị triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngay từ những ngày đầu năm.

- Xây dựng và giới thiệu bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm trứng gà DABACO. Bộ sản phẩm Trứng gà cao cấp Dabaco được ví là “Bộ tứ trứng gà siêu đẳng” bao gồm 04 loại trứng đặc biệt, có giá trị dinh dưỡng cao là: trứng gà vỏ xanh, trứng gà Omega3, trứng

gà DHA và trứng gà Selen nhằm thông tin đến người tiêu dùng những lợi ích của việc sử dụng thực phẩm trứng gà trong các bữa ăn hàng ngày, trong ngành chế biến thực phẩm và đặc biệt là các món ăn nhẹ không thể thiếu trứng gà như bánh ngọt, bánh plan, đồ uống cocktail...

#### **4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

Năm 2017, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, khi mà trong Quý 4/2016 giá thực phẩm liên tục giảm xuống thấp, ảnh hưởng lớn đến tình hình tiêu thụ các sản phẩm của công ty như thức ăn chăn nuôi, con giống, thực phẩm... Diễn biến bất lợi từ thị trường hiện vẫn đang tiếp diễn sang những tháng đầu năm 2017. Trong bối cảnh tình hình của ngành, của thị trường có rất nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

##### **Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2017:**

- ❖ Tổng doanh thu : 9.265.395 triệu đồng
- ❖ Lợi nhuận trước thuế : 369.730 triệu đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : 319.686 triệu đồng (Trong đó: Lợi nhuận từ SXKD chính: 259.686 triệu đồng; Lợi nhuận từ lĩnh vực khác: 60.000 triệu đồng).

#### **5. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:**

##### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

Tập đoàn luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

##### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

##### **c) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Tập đoàn rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.

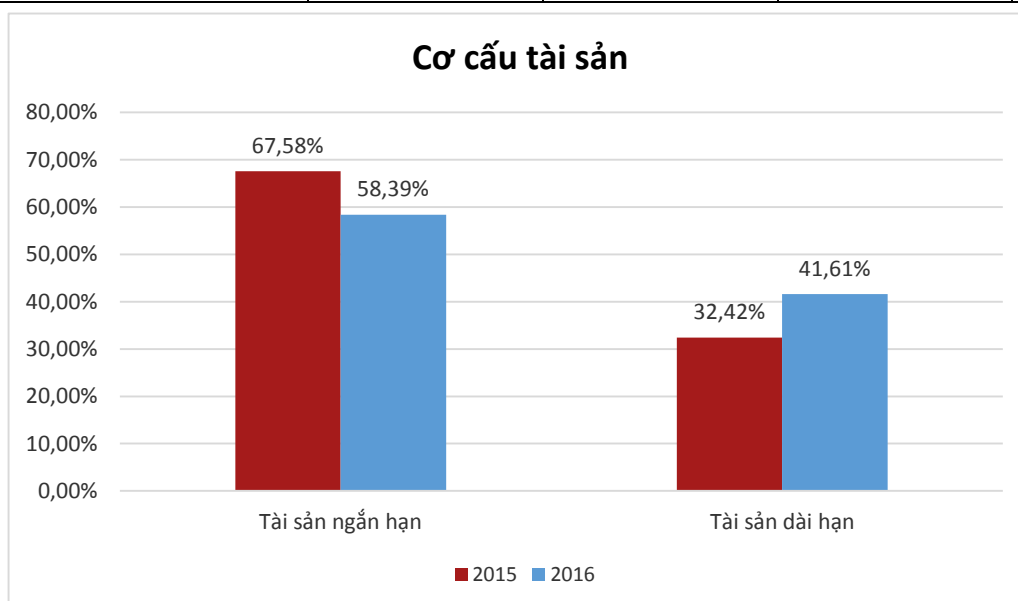
## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:

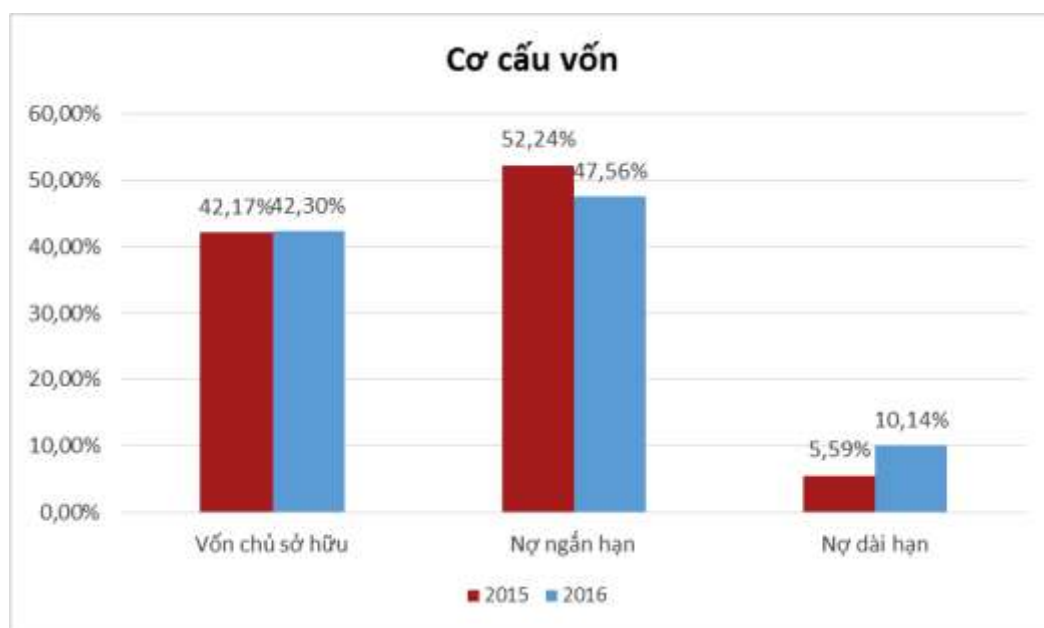
Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/Giảm	% Tăng/ giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	6.396.914	5.863.191	533.723	9,1
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	6.255.922	5.791.392	464.530	8
Giá vốn hàng bán	(5.440.988)	(5.090.939)	(350.049)	6,9
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	814.934	700.452	114.482	16,3
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	371.852	282.610	89.242	31,6
Lợi nhuận khác	150.898	1.006	149.892	14899,8
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	522.751	283.617	239.134	84,3
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	451.218	252.835	198.383	78,5
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	5.993	3.066	2.927	95,5

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/ Giảm	% Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	3.228.355	3.118.937	109.418	3,5
Tài sản dài hạn	2.300.916	1.496.272	804.644	53,8
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.529.271</b>	<b>4.615.210</b>	<b>914.061</b>	<b>19,8</b>



Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng / giảm	% Tăng / giảm
Nợ ngắn hạn	2.629.726	2.410.964	218.762	9
Nợ dài hạn	560.403	257.798	302.605	117,4
Tổng nợ	3.190.129	2.668.763	521.366	19,5
Vốn chủ sở hữu	2.339.141	1.946.447	392.694	20,2
Tổng nguồn vốn	5.529.271	4.615.210	914.061	19,8



Các chỉ tiêu trên cho thấy, năm 2016 công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thông qua và đạt mức tăng trưởng cao so với năm 2015, các lợi ích của cổ đông và người lao động đều được đảm bảo.

**❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:**

Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

**2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**2.1. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- Ban Tổng Giám đốc có 8 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 07 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Tài chính, Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ, Sản xuất giống; Chế biến thực phẩm và Đầu tư xây dựng.

- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

## 2.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HĐQT công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban sản xuất định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của công ty.

## 2.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban TGDĐ đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Trong năm qua, Ban TGDĐ đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

## 3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Phát triển thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình **3F (Farm-Feed-Food)** gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO (Food - Thực phẩm)*”.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lai tạo giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tạo ra các sản phẩm mới trong chăn nuôi có giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 21/6/2016)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13.756.868	18,27
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó CT HĐQT kiêm TGD	843.480	1,12
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD, Kế toán trưởng	1.279.200	1,7
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	798.720	1,06
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	6.027	0,01
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	85.680	0,11
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	367.200	0,49
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	864.883	1,15
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

#### c) Hoạt động của HĐQT:

*Các cuộc họp của HĐQT:*

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2016/NQ-HĐQT	14/01/2016	- Thông qua kết quả SXKD năm 2015; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016; - Thông qua việc xét thưởng tết Bình Thân năm 2016.
2	Số 02/2016/NQ-HĐQT	03/02/2016	- Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015; - Thông qua việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư phát triển khu công nghiệp EIP; - Thông qua việc vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD; - Thông qua một số dự án đầu tư.
3	Số 03/2016/NQ-HĐQT	10/03/2016	- Thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; - Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty; - Bổ sung ngành nghề kinh doanh của một số công ty con;

			- Thông qua việc vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD năm 2016 và đầu tư.
4	Số 04/2016/NQ- HĐQT	04/5/2016	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016; - Thông qua việc thành lập Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L' Indochina.
5	Số 05/2016/NQ- HĐQT	03/6/2016	- Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt; - Thông qua phương án vay vốn tại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.
6	Số 06/2016/NQ- HĐQT	11/7/2016	- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và phương hướng 6 tháng cuối năm; - Góp vốn thành lập Công ty cổ phần; - Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Tâm Tâm; - Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh; - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Văn Mạnh.
7	Số 07/2016/NQ- HĐQT	06/9/2016	- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc; - Phê chuẩn quyết định phân công nhiệm vụ lãnh đạo công ty; - Thông qua việc vay vốn ngân hàng; - Một số nội dung khác.
8	Số 08/2016/NQ- HĐQT	01/10/2016	- Đánh giá kết quả SXKD 9 tháng năm 2016; - Thông qua phương án sáp nhập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hạt nhân; - Thông qua phương án sáp nhập Công ty cổ phần Tâm Tâm vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang; - Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài và Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Tĩnh; - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của một số công ty con.
9	Số 09/2016/NQ- HĐQT	21/11/2016	- Triển khai nhiệm vụ Quý IV/2016; - Bổ nhiệm Phó TGD phụ trách xây dựng cơ bản; - Thông qua việc vay vốn Ngân hàng; - Thành lập Trung tâm Thương mại Dabaco Từ Sơn.

Năm 2016, các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức đạt mức tăng trưởng ổn định. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết của



ĐHĐCĐ 2016, phê duyệt kế hoạch SXKD, đánh giá kết quả SXKD trong năm của từng đơn vị và toàn Tập đoàn, quyết định hạn mức vay vốn ngân hàng, các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:** Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

**e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

Tất cả thành viên HĐQT công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, cụ thể:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC
6	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	22 QTCT 42/QĐ-TTNC
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	04 QTCT 56/QĐ-TTNC
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	05 QTCT 56/QĐ-TTNC
9	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	06 QTCT 56/QĐ-TTNC

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 21/6/2016)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	31.200	0,04%
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	2.520	0,003%
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	3.600	0,005%

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

*Cuộc họp của Ban kiểm soát*

<b>TT</b>	<b>Số Biên bản</b>	<b>Ngày họp</b>	<b>Nội dung họp</b>
1	Số 01/2016/ BB-BKS	10/03/2016	- Thông báo kết quả SXKD, báo cáo tài chính đã được kiểm toán; - Thông báo chương trình & nội dung chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2016; - Thông qua nội dung báo cáo kiểm soát năm 2016 trình ĐHCĐ; - Thông qua dự kiến về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài khóa 2016.
2	Số 02/2016/ BB-BKS	05/07/2016	- Thông báo quyết định chuyển nhượng Khu công nghiệp Quế Võ III; - Thông báo về công tác hoạt động hỗ trợ cộng đồng của công ty; - Thông báo về Nghị quyết, kết quả thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2016 (5% bằng tiền mặt); - Thông báo sơ bộ kết quả kinh doanh 6 tháng, biện pháp triển khai một số nhiệm vụ cấp bách 6 tháng cuối năm.
3	Số 03/2016/ BB-BKS	15/12/2016	- Thông báo kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đến hết tháng 11 của công ty; - Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty; - Triển khai công việc của Ban kiểm soát.

**Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và bộ máy quản lý điều hành của công ty:**

- Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định của Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoàn toàn tuân thủ Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, HĐQT và Ban TGD đã kịp thời nắm bắt thông tin, lắng nghe những ý kiến của cổ đông và khách hàng, thường xuyên cập nhật thông tin trên thị trường, đưa ra những thay đổi và chính sách mới nhằm khắc phục những điểm hạn chế trong quản lý, hướng đến những mục tiêu về tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh.
- Công ty thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin đúng quy định.

**c) Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

- Trong năm 2016, BKS được HĐQT, Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của công ty.
- BKS được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.
- BKS, HĐQT và Ban TGD phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra kiểm soát của BKS. Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên công ty.

#### **Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:**

Qua thực tế giám sát hoạt động của công ty, để duy trì được tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch kinh doanh 2015-2018 đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, đồng thời kiểm soát được những rủi ro có thể phát sinh, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị HĐQT và Ban TGD tiếp tục chỉ đạo, tăng cường công tác giám sát bán hàng theo đúng quy chế, quy định đã đề ra.
- Công ty cần chú trọng hơn việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Cần nghiên cứu chiến lược khi đưa sản phẩm mới ra thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Khẩn trương xây dựng những quy trình, quy chế chưa hoàn thiện để làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
- Đối với các dự án đầu tư mới, cần phân tích thận trọng, đảm bảo hiệu quả của dự án khi đi vào hoạt động.
- Tăng cường vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc quản lý tài chính, giám sát sự tuân thủ các quy trình, quy chế trong công ty.
- Xây dựng định mức tồn kho, quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn tiên tiến để tăng vòng quay hàng tồn kho đồng thời vẫn đảm bảo việc cung ứng hàng cho thị trường.

#### **Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:**

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty.
- Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên 2017.
- Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế. Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.

### 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2016 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

**Hội đồng quản trị, Ban điều hành:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	939.479.000	360.000.000
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	705.370.000	240.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng	470.806.000	240.000.000
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	470.674.000	240.000.000
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	559.417.000	240.000.000
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	-	300.000.000
10	Ông Nguyễn Trọng Kịch	Phó TGD	470.806.000	-
11	Ông Phạm Văn Học	Phó TGD	475.439.000	-
12	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó TGD	688.879.000	-
13	Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó TGD	158.836.000	-
14	Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó TGD	53.866.000	-

**Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	298.526.000	36.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	-	24.000.000
3	Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	-	18.000.000

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn năm 2016:**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	3.810.140	6,07%	4.876.233	7,77%	Mua 1.066.093 CP từ ngày 31/12/2015 đến ngày 12/01/2016
2	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	4.876.233	7,77%	5.535.833	8,82%	Mua 659.600 CP từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/01/2016
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	5.535.833	8,82%	5.959.133	9.5%	Mua 423.300 CP từ ngày 15/01/2016 đến ngày 22/01/2016
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Cổ đông lớn	3.002.400	4,79%	3.302.400	5,26%	Mua 300.000 CP ngày 01/02/2016
5	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	5.959.133	9.5%	7.742.979	10,28%	Mua 590.300 CP, bán 7.000 cổ phiếu và nhận về 1.200.546 cp thưởng (giao dịch từ ngày 23/01/2016 đến ngày 22/04/2016)
6	Bà Nguyễn Thu Hiền	Con gái ông Nguyễn Như So	797.610	1,06%	1.797.610	2,39%	Mua 1.000.000 CP ngày 23/5/2016
7	Bà Nguyễn Thị Tân Hòa	Con gái ông Nguyễn Như So	297.493	0,40%	2.297.493	3,05%	Mua 2.000.000 CP ngày 23/5/2016

8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Cổ đông lớn	3.962.880	5,26%	2.962.880	3,94%	Bán 1.000.000 CP ngày 23/05/2016
9	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	7.742.979	10,28%	7.357.279	9,77%	Mua 481.000 CP, bán 866.700cp (giao dịch từ ngày 23/04/2016 đến ngày 13/06/2016)
10	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	74.400	0,099%	70.400	0,09%	Bán 4.000 CP ngày 24/6/2016
11	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	7.357.279	9,77%	257.279	0,34%	Bán 7.100.000 cp (giao dịch từ ngày 14/06/2016 đến ngày 21/06/2016)
12	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	3.415.601	4,54%	9.215.601	12,24%	Mua 5.800.000 cp ngày 06/7/2016
13	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	9.215.601	12,24%	8.989.901	11,94%	Mua 225.700 cp ngày 11/7/2016
14	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	33.116	0,04%	0	0%	Bán 33.116 CP từ ngày 23/8/2016 đến ngày 31/8/2016

**c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Công ty luôn luôn thực hiện nghiêm túc Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các quy định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

- Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã xin ý kiến ĐHCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/7/2015.

- Tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty luôn rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49

11802-  
CÔNG  
TY TNHH  
IT & Y  
TIẾT N  
HÀ NH  
HÀ N  
KIỂM



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Mạnh	Thành viên
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng ban
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Thế Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2016

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Thảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61063700/18490073-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

302  
ING  
TINH  
F & Y  
TN  
NH  
À N  
M

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.228.355.446.050</b>	<b>3.118.937.874.056</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>279.750.579.921</b>	<b>146.261.183.367</b>
111	1. Tiền		279.750.579.921	116.261.183.367
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>369.523.819.498</b>	<b>273.332.627.489</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	369.523.819.498	273.332.627.489
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>595.261.641.829</b>	<b>425.348.123.473</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	374.679.675.871	296.400.072.023
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	120.517.664.578	57.356.490.783
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	100.064.301.380	71.591.560.667
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.937.658.395.282</b>	<b>2.248.878.404.178</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	1.937.658.395.282	2.248.878.404.178
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>46.161.009.520</b>	<b>25.117.535.549</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	9.771.811.726	5.516.367.249
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	33.201.430.014	14.589.546.584
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	8.084.172	8.084.172
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.179.683.608	5.003.537.544
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.300.916.377.409</b>	<b>1.496.272.853.026</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.951.779.999</b>	<b>5.446.121.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.951.779.999	5.446.121.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.400.713.615.637</b>	<b>1.166.313.800.521</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.135.888.668.281	898.255.375.494
222	Nguyên giá		1.916.005.822.696	1.533.094.314.920
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(780.117.154.415)	(634.838.939.426)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	264.824.947.356	268.058.425.027
225	Nguyên giá		370.828.386.074	320.989.635.113
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(106.003.438.718)	(52.931.210.086)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>857.733.716.688</b>	<b>306.733.618.251</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		857.733.716.688	306.733.618.251
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>20.600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.000.000.000	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000	600.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.917.265.085</b>	<b>17.179.313.254</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.371.888.276	12.452.144.165
269	2. Lợi thế thương mại	16	3.545.376.809	4.727.169.089
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.529.271.823.459</b>	<b>4.615.210.727.082</b>

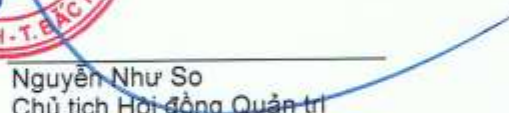
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.190.129.918.957</b>	<b>2.668.763.190.851</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.629.726.611.851</b>	<b>2.410.964.470.019</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	318.465.823.911	533.868.654.105
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	146.773.275.335	94.493.437.709
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	43.162.156.602	30.261.135.514
314	4. Phải trả người lao động		59.356.318.445	36.330.229.654
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	44.992.869.107	28.732.111.856
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	243.673.194.072	158.578.359.433
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.758.904.536.941	1.509.505.245.347
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	14.398.437.438	19.195.296.401
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>560.403.307.106</b>	<b>257.798.720.832</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	5.245.555.800	8.842.868.300
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	555.157.751.306	248.955.852.532
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.339.141.904.502</b>	<b>1.946.447.536.231</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>2.339.141.904.502</b>	<b>1.946.447.536.231</b>
411	1. Vốn cổ phần	24.1	752.899.590.000	627.419.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		752.899.590.000	627.419.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	753.114.963.010	679.130.704.305
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	414.694.359.271	221.464.609.705
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		414.694.359.271	221.464.609.705
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.529.271.823.459</b>	<b>4.615.210.727.082</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 16 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.396.914.477.362	5.863.191.770.258
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(140.991.882.568)	(71.799.240.970)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.255.922.594.794	5.791.392.529.288
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(5.440.988.453.186)	(5.090.939.741.579)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		814.934.141.608	700.452.787.709
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	44.142.951.647	17.386.001.398
22	7. Chi phí tài chính	28	(112.795.922.720)	(123.034.853.426)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(110.901.027.505)	(94.146.779.399)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(182.509.153.700)	(148.137.106.928)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(191.919.370.188)	(164.055.888.832)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		371.852.646.647	282.610.939.921
31	11. Thu nhập khác	29	151.299.350.329	3.039.636.862
32	12. Chi phí khác	29	(400.905.985)	(2.033.366.403)
40	13. Lợi nhuận khác	29	150.898.444.344	1.006.270.459
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		522.751.090.991	283.617.210.380
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(71.532.464.645)	(30.781.639.175)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		451.218.626.346	252.835.571.205
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		451.218.626.346	252.835.571.205
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	5.993	3.066
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	5.993	3.066

*Handwritten signature*



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 16 tháng 2 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>522.751.090.991</b>	<b>283.617.210.380</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		194.703.168.742	170.939.603.794
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.617.946	(902.800)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(191.960.719.414)	(16.051.321.449)
06	Chi phí lãi vay	28	110.901.027.505	94.146.779.399
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>636.400.185.770</b>	<b>532.651.369.324</b>
09	Giảm các khoản phải thu		46.766.079.929	16.357.121.408
10	Tăng hàng tồn kho		(178.770.362.950)	(100.007.026.533)
11	Giảm các khoản phải trả		(99.780.729.683)	(66.665.388.926)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.175.188.588)	2.496.620.732
14	Tiền lãi vay đã trả		(123.742.339.707)	(95.806.088.875)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(59.171.835.662)	(38.735.237.282)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		68.863.000.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.796.849.963)	(22.843.550.982)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>259.591.959.146</b>	<b>227.447.818.866</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(934.721.339.414)	(324.946.255.183)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		91.545.455	609.090.909
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(283.558.831.745)	(217.882.071.937)
24	Tiền thu hồi lại khoản tiền gửi có kỳ hạn		187.367.639.736	31.950.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(48.995.231.890)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		450.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		34.481.100.880	16.253.402.050
	Tiền nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ xây dựng nhà máy ép dầu		28.137.000.000	-
	Tiền hoàn lại cho UBND tỉnh Bắc Ninh về việc hỗ trợ xây dựng nhà máy ép dầu		(28.137.000.000)	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(595.335.116.978)</b>	<b>(494.015.834.161)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		5.020.025.950.701	4.565.503.703.990
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.457.611.004.250)	(4.270.220.651.135)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(56.652.507.044)	(37.710.444.238)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	24.2	(36.524.267.075)	(125.483.846.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>469.238.172.332</b>	<b>132.088.762.617</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>133.495.014.500</b>	<b>(134.479.252.678)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>146.261.183.367</b>	<b>280.739.533.245</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.617.946)	902.800
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	<b>279.750.579.921</b>	<b>146.261.183.367</b>

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 934 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 847 nhân viên).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 23 công ty con, bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò.
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	100	Cụm Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	100	Cụm Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.
5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.
6	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco	100	100	Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống.
7	Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	100	100	Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; chế biến và bảo quản rau quả; chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; bán buôn, bán lẻ: thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
8	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit; thương mại, dịch vụ.
10	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.
11	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	100	100	Tầng 3, tòa nhà Techcombank, đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch chứng khoán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
12	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco	100	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	► Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị.
13	Công ty TNHH Nutreco	100	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	► Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
14	Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	► Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi.
15	Công ty TNHH Lợn Giống Hải Phòng	100	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
16	Công ty TNHH Lợn Giống Hà Nam	100	100	Thôn Thương Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
17	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	► Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
18	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	100	100	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
19	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
20	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
21	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	► Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
22	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina (*)	100	100	Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh	► Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.
23	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài (*)	100	100	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	► Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

(\*) Các công ty con này được thành lập trong năm 2016.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND).

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

*Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại*

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa  | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuế tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
---------------------	------------

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

*Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

*Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị vốn góp. Thu nhập được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch chuyển nhượng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi, sản xuất con giống, chăn nuôi và chế biến thực phẩm trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các hoạt động kinh doanh khác trong lãnh thổ Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH

#### 4.1 Mua Công ty Cổ phần Tâm Tâm

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2016, Tập đoàn đã mua 96,2% cổ phần của Công ty Cổ phần Tâm Tâm, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101361891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm, thương mại và dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

**4.1 Mua Công ty Cổ phần Tâm Tâm (tiếp theo)**

Tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Tập đoàn chưa hoàn thành việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Tâm Tâm tại ngày mua. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>	
<b>Tài sản</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền		4.768.110
Các khoản phải thu ngắn hạn		17.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác		166.204.588
Tài sản cố định		10.166.981.422
Tài sản dở dang dài hạn		1.662.045.880
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý</b>		<b>29.000.000.000</b>
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán</b>		<b>29.000.000.000</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>		
Tiền thu về từ công ty con		4.768.110
Tiền chi để mua công ty con		(29.000.000.000)
<b>Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>		<b>(28.995.231.890)</b>

Vào ngày 1 tháng 11 năm 2016, Tập đoàn đã mua 3,8% cổ phần còn lại của Công ty Cổ phần Tâm Tâm với tổng giá trị là 1.102.775.000 đồng. Sau đó, Tập đoàn đã giải thể Công ty Cổ phần Tâm Tâm và sáp nhập công ty này vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	7.292.254.688	1.954.049.740
Tiền gửi ngân hàng	271.858.325.233	114.307.133.627
Tiền đang chuyển	600.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>279.750.579.921</b>	<b>146.261.183.367</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	369.523.819.498	273.332.627.489
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>369.523.819.498</b>	<b>273.332.627.489</b>

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 6.5%/năm, trong đó:

- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 57 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 22.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 26,9 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 22.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị có giá trị tương đương 10% dư nợ tiền ịch trong tài khoản Công ty mở tại ngân hàng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 22.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 30 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 22.1); và
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 5 tỷ đồng Việt Nam của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của công ty con này tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 22.1).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	41.848.778.787	77.820.246.353
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	317.145.889.790	218.579.825.670
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VID Thanh Hóa (*)	198.326.446.730	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Lợi	114.863.214.400	217.150.364.400
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.956.228.660	1.429.461.270
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	15.685.007.294	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>374.679.675.871</b>	<b>296.400.072.023</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

(\*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VID Thanh Hóa liên quan đến giao dịch chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Quê Võ 3. Khoản phải thu chậm trả này sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2017, đã được bảo lãnh thanh toán bởi ngân hàng và chịu lãi suất trả chậm 8%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Việt Thanh Hóa	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Vạn Lợi	6.255.000.000	12.968.433.500
Ngô Văn Tồn	-	7.637.001.006
Nguyễn Thị Thanh	-	6.241.870.000
Các khoản trả trước khác	94.262.664.578	30.509.186.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.517.664.578</b>	<b>57.356.490.783</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	63.023.856.804	24.613.020.493
Đặt cọc để mở thư tín dụng tại ngân hàng	21.478.167.093	40.708.128.367
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trả chậm	13.216.365.168	4.288.561.178
Phải thu khác	2.345.912.315	1.981.850.629
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.064.301.380</b>	<b>71.591.560.667</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Kí cược, ký quỹ cho mục đích thuê tài chính (*)	5.951.779.999	5.446.121.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.951.779.999</b>	<b>5.446.121.000</b>

(\*) Đây là khoản ký quỹ làm tài sản đảm bảo tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho một số hợp đồng thuê tài chính ký với công ty này (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	131.835.143.862	180.361.241.263
Nguyên liệu, vật liệu	517.357.941.415	525.865.748.846
Công cụ, dụng cụ	5.846.234.818	7.889.628.704
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	907.645.723.852	1.189.886.320.722
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động kinh doanh bất động sản (*)</i>	<i>158.606.471.741</i>	<i>623.727.243.806</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động khác</i>	<i>749.039.252.111</i>	<i>566.159.076.916</i>
Thành phẩm	291.121.334.108	296.355.267.001
<i>Thành phẩm hoạt động kinh doanh bất động sản - Dự án Khu đô thị Đền Đô</i>	<i>259.241.378.510</i>	<i>256.361.583.418</i>
<i>Thành phẩm hoạt động sản xuất và chăn nuôi</i>	<i>31.879.955.598</i>	<i>39.993.683.583</i>
Hàng hóa	83.852.017.227	48.520.197.642
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.937.658.395.282</u></b>	<b><u>2.248.878.404.178</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

(\*) Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Quế Võ 3 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VID Thanh Hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sử dụng một số hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau:

- ▶ Hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 22.1); và
- ▶ Toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng này (Thuyết minh số 22.1).

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	924.736.560.282	493.616.393.568	105.456.222.552	9.285.138.518	1.533.094.314.920
Mua trong năm	-	24.446.345.860	38.509.901.567	932.320.682	63.888.568.109
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	258.280.424.515	53.568.552.909	-	-	311.848.977.424
Tặng do mua công ty con	-	11.625.006.669	-	-	11.625.006.669
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.991.918.732)	(385.835.167)	(73.290.527)	(4.451.044.426)
Số cuối năm	1.183.016.984.797	579.264.380.274	143.580.288.952	10.144.168.673	1.916.005.822.696
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	102.769.283.013	174.832.587.728	24.604.010.034	9.985.416.546	312.191.297.321
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	286.851.039.899	274.328.694.895	65.286.855.662	8.372.348.970	634.838.939.426
Khấu hao trong năm	79.172.584.256	51.971.629.330	16.330.682.952	651.799.623	148.126.696.161
Tặng do mua công ty con	-	1.458.025.247	-	-	1.458.025.247
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.847.380.725)	(385.835.167)	(73.290.527)	(4.306.506.419)
Số cuối năm	366.023.624.131	323.910.968.739	81.231.703.444	8.950.858.101	780.117.154.415
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	637.885.520.407	219.287.698.681	40.169.366.893	912.789.513	898.255.375.494
Số cuối năm	817.634.269.993	254.712.502.208	62.348.585.508	1.193.310.572	1.135.888.668.281
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)</i>	378.632.806.100	153.362.327.209	6.183.014.694	54.352.685	538.232.500.688

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định là khách sạn, siêu thị, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thực ăn chăn nuôi với giá trị còn lại là khoảng 538,2 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	303.542.595.113	17.447.040.000	320.989.635.113
Thuê thêm trong năm	49.838.750.961	-	49.838.750.961
Số cuối năm	<u>353.381.346.074</u>	<u>17.447.040.000</u>	<u>370.828.386.074</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	50.059.600.095	2.871.609.991	52.931.210.086
Khấu hao trong năm	46.513.733.006	6.558.495.626	53.072.228.632
Số cuối năm	<u>96.573.333.101</u>	<u>9.430.105.617</u>	<u>106.003.438.718</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>253.482.995.018</u>	<u>14.575.430.009</u>	<u>268.058.425.027</u>
Số cuối năm	<u>256.808.012.973</u>	<u>8.016.934.383</u>	<u>264.824.947.356</u>

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi, hệ thống chế biến thực phẩm và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính ký với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 22.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam (*)	315.807.268.310	44.995.750.198
Dự án giống lợn Dabaco Hà Nam	144.372.584.066	6.101.394.727
Dự án hệ thống chuồng trại gà Dabaco Phú Thọ	120.612.576.260	15.474.341.705
Dự án lợn giống Dabaco Hải Phòng	43.493.352.212	25.454.545.000
Dự án nhà làm việc của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	35.538.155.239	33.213.885.864
Dự án lợn giống Lương Tài (*)	32.389.408.036	-
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh	30.311.790.100	-
Dự án nhà máy sản xuất con giống công nghệ cao	24.926.824.450	7.804.228.001
Dự án khu xử lý môi trường tập trung Khắc Niệm	23.238.123.172	20.621.601.681
Dự án khu chăn nuôi Hà Tĩnh	17.466.702.727	-
Dự án đường Bách Môn - Lạc Vệ	16.046.360.705	16.046.360.705
Dự án rau công nghệ cao	14.893.683.716	-
Dự án siêu thị Thuận Thành	8.838.078.202	8.838.078.202
Dự án Trung tâm thương mại Quế Võ	7.574.022.909	-
Dự án hệ thống chuồng trại gà Yên Thế	6.898.511.790	6.898.511.790
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	6.811.456.800	6.811.456.800
Dự án gia súc gia cầm Tuyên Quang	5.198.911.225	-
Dự án nhà làm việc, khách sạn cao tầng (**)	-	54.911.243.454
Dự án trung tâm thương mại Đền Đô (**)	-	41.367.865.599
Dự án cảng Dabaco (**)	-	17.930.722.727
Các dự án khác	3.315.906.769	263.631.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>857.733.716.688</b>	<b>306.733.618.251</b>

(\*) Các tài sản thuộc các dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 22).

(\*\*) Các dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2016.

**13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 17 tỷ đồng Việt Nam (năm 2015: 10,3 tỷ đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư tài sản cố định của Tập đoàn.

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	
	<i>(đồng thời là giá trị hợp lý)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	20.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	600.000.000	600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Transeco	20.000.000.000	33,33%	33,33%	-	-	-

Công ty Cổ phần Transeco là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 2300942823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ vận chuyển.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	9.501.756.127	5.516.367.249
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	270.055.599	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.771.811.726</b>	<b>5.516.367.249</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	11.770.705.861	12.217.197.765
Chi phí trả trước dài hạn khác	601.182.415	234.946.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.371.888.276</b>	<b>12.452.144.165</b>

**16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm	11.817.922.747	
Số cuối năm	11.817.922.747	
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm	7.090.753.658	
Phân bổ trong năm	1.181.792.280	
Số cuối năm	8.272.545.938	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	4.727.169.089	
Số cuối năm	3.545.376.809	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	32.542.190.786	309.978.316.690
- Marubeni Grain & Oilseeds Trading Asia	23.710.995.000	-
- Crossland Marketing Pte Ltd	-	142.592.362.500
- International Asia	-	59.494.431.692
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	8.831.195.786	107.891.522.498
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu trong nước	277.734.539.901	223.890.337.415
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	8.189.093.224	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>318.465.823.911</b>	<b>533.868.654.105</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Người mua trả tiền trước	66.773.275.335	18.943.829.017
Chiết khấu thương mại trích trước (*)	80.000.000.000	75.549.608.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.773.275.335</b>	<b>94.493.437.709</b>

(\*) Giá trị chiết khấu thương mại đã phát sinh trong năm 2016 nhưng chưa được chi trả tại thời điểm cuối năm. Giá trị chiết khấu này sẽ được giảm trừ vào công nợ phải thu của khách hàng trong các tháng tiếp theo.

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.465.864.298	64.250.103.211	(64.807.071.676)	908.895.833
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.577.927.985	71.532.464.645	(59.171.835.662)	34.938.556.968
Tiền sử dụng đất (*)	6.190.870.001	2.256.818.908	(1.132.985.108)	7.314.703.801
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.095.093.081	(71.095.093.081)	-
Các loại thuế khác	26.473.230	2.409.074.316	(2.435.547.546)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.261.135.514</b>	<b>211.543.554.161</b>	<b>(198.642.533.073)</b>	<b>43.162.156.602</b>
	Số đầu năm	Số kê khai hoàn trong năm	Số đã căn trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	14.589.546.584	82.534.457.101	(63.922.573.671)	33.201.430.014
Các loại thuế khác	8.084.172	-	-	8.084.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.597.630.756</b>	<b>82.534.457.101</b>	<b>(63.922.573.671)</b>	<b>33.209.514.186</b>

(\*) Đây chủ yếu là tiền sử dụng đất còn lại của Dự án khu đô thị Đền Đô phải nộp cho Ngân sách tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 35).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	32.876.637.991	24.368.378.906
Chi phí lãi vay phải trả	6.450.947.499	2.274.941.103
Chi phí phải trả khác	5.665.283.617	2.088.791.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.992.869.107</u></b>	<b><u>28.732.111.856</u></b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Ngắn hạn</i></b>		
Nhận đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	103.590.060.000	100.362.160.000
Khoản hỗ trợ không hoàn lại của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung (*)	88.499.994.000	24.636.994.000
Khoản hỗ trợ tạm thời để bình ổn giá phải trả cho UBND tỉnh Bắc Ninh	25.000.000.000	25.000.000.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	10.317.510.208	3.789.215.836
Khoản hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình bến xe Cảng Tân Chi (*)	5.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.265.629.864	4.789.989.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>243.673.194.072</u></b>	<b><u>158.578.359.433</u></b>
<b><i>Dài hạn</i></b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.245.555.800	8.842.868.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.245.555.800</u></b>	<b><u>8.842.868.300</u></b>

(\*) Đây là các khoản nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh để hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư của dự án khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị hỗ trợ cuối cùng Công ty nhận được phụ thuộc sự chấp thuận của UBND tỉnh Bắc Ninh sau khi quyết toán giá trị đầu tư các dự án này.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	1.407.715.157.417	1.407.715.157.417	4.573.709.499.271	4.380.651.496.888	1.600.773.159.800	1.600.773.159.800	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	33.006.582.664	33.006.582.664	121.188.266.368	54.595.734.664	99.599.114.368	99.599.114.368	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	49.808.505.266	49.808.505.266	61.832.248.843	53.818.491.336	57.822.262.773	57.822.262.773	
Vay đối tượng khác	18.975.000.000	18.975.000.000	210.000.000	18.475.000.000	710.000.000	710.000.000	
	<b>1.509.505.245.347</b>	<b>1.509.505.245.347</b>	<b>4.756.940.014.482</b>	<b>4.507.540.722.888</b>	<b>1.758.904.536.941</b>	<b>1.758.904.536.941</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	107.901.008.943	107.901.008.943	446.106.451.430	125.056.077.023	428.951.383.350	428.951.383.350	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 22.3)	141.054.843.589	141.054.843.589	49.817.788.918	64.666.264.551	126.206.367.956	126.206.367.956	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>248.955.852.532</b>	<b>248.955.852.532</b>	<b>495.924.240.348</b>	<b>189.722.341.574</b>	<b>555.157.751.306</b>	<b>555.157.751.306</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**22.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.456.763.191.680		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 25 hàng tháng.	4,5% - 5,2%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	144.009.968.120	6.318.828	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	1,8% - 2%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.600.773.159.800</u></b>			

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất ở tỉnh Bắc Ninh ở Thuyết minh số 10 và các chứng chỉ tiền gửi như được trình bày ở Thuyết minh số 6;
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn như được trình bày ở Thuyết minh số 10 (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này trong Thuyết minh số 22.2);
- ▶ Tài sản đảm bảo bao gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Thức ăn thủy sản Kinh Bắc và Thức ăn Gia súc Dabaco II như được trình bày ở Thuyết minh số 10;
- ▶ Hàng tồn kho như được trình bày ở Thuyết minh số 9;
- ▶ Nhà làm việc cao tầng nay là khách sạn L'Indochina với tổng số tiền là 77,4 tỷ đồng Việt Nam như được trình bày ở Thuyết minh số 10;
- ▶ Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang như được trình bày ở Thuyết minh số 10;
- ▶ Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc như được trình bày ở Thuyết minh số 10; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

**22.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	528.550.497.718	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5% - 12%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>528.550.497.718</u></b>		
<i>Trong đó</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	99.599.114.368		
Vay dài hạn	428.951.383.350		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**22.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn** (tiếp theo)

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn (Thuyết minh số 10);
- ▶ Nhà cửa vật kiến trúc của Trung tâm giống gia súc gia cầm (Thuyết minh số 10);
- ▶ Trung tâm thương mại tại khu đô thị Đền Đò, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 10);
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m<sup>2</sup> đất thuộc cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh số 10);
- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình (Thuyết minh số 10);
- ▶ Bất động sản, máy móc thiết bị, phần vốn góp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và các tài sản đảm bảo khác tại Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam (Thuyết minh số 12); và
- ▶ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án, máy móc thiết bị chuồng nuôi (bao gồm cả khung nhà thép), phương tiện vận tải, quyền tài sản phát sinh từ dự án khu chăn nuôi lợn giống tại xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 12).

**22.3 Nợ thuê tài chính**

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty cho thuê	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuê tài chính	184.028.630.729	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 4 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	8%-10,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.028.630.729</b>		
<i>Trong đó:</i>			
Nợ dài hạn đến hạn trả	57.822.262.773		
Nợ dài hạn	126.206.367.956		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**22.3 Nợ thuế tài chính (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>			
Từ 1 năm trở xuống	76.368.984.075	18.546.721.302	57.822.262.773
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>			
Từ 1-5 năm	146.719.107.757	20.512.739.801	126.206.367.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>223.088.091.832</b>	<b>39.059.461.103</b>	<b>184.028.630.729</b>

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>			
Từ 1 năm trở xuống	66.714.958.763	16.906.453.497	49.808.505.266
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>			
Từ 1-5 năm	163.330.097.997	22.556.528.221	140.773.569.776
Trên 5 năm	284.361.977	3.088.152	281.273.825
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.329.418.737</b>	<b>39.466.069.870</b>	<b>190.863.348.867</b>

**23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
	Số dư đầu năm	19.195.296.401
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 24.1)	21.999.991.000	11.166.021.962
Sử dụng trong năm	(26.796.849.963)	(22.843.550.982)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.398.437.438</b>	<b>19.195.296.401</b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	627.419.230.000	418.432.992.221	578.636.506.646	205.773.104.121	1.830.261.832.988
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	252.835.571.205	252.835.571.205
- Phân bổ vào các quỹ	-	-	100.494.197.659	(100.494.197.659)	-
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.166.021.962)	(11.166.021.962)
- Chia cổ tức	-	-	-	(125.483.846.000)	(125.483.846.000)
Số cuối năm	627.419.230.000	418.432.992.221	679.130.704.305	221.464.609.705	1.946.447.536.231
Số đầu năm	627.419.230.000	418.432.992.221	679.130.704.305	221.464.609.705	1.946.447.536.231
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	451.218.626.346	451.218.626.346
- Phân bổ vào các quỹ (*)	-	-	73.984.258.705	(73.984.258.705)	-
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(21.999.991.000)	(21.999.991.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	125.480.360.000	-	-	(125.480.360.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(36.524.267.075)	(36.524.267.075)
Số cuối năm	752.899.590.000	418.432.992.221	753.114.963.010	414.694.359.271	2.339.141.904.502

(\*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2016.

(\*\*) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền trong năm 2016 theo Quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 3 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp</b>		
Vào ngày 1 tháng 1	627.419.230.000	627.419.230.000
Tăng trong năm	125.480.360.000	-
Vào ngày 31 tháng 12	<u>752.899.590.000</u>	<u>627.419.230.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	<b>162.004.627.075</b>	<b>125.483.846.000</b>
Cổ tức cho năm 2014 (1.500VND/cổ phần)	-	94.112.884.500
Cổ tức cho năm 2015 (500VND/cổ phần)	-	31.370.961.500
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015 (0,2 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	125.480.360.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2016 (500VND/cổ phần)	36.524.267.075	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>162.004.627.075</b>	<b>125.483.846.000</b>
Cổ tức cho năm 2014	-	94.112.884.500
Cổ tức cho năm 2015	-	31.370.961.500
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015	125.480.360.000	-
Cổ tức cho năm 2016	36.524.267.075	-

**24.3 Cổ phiếu**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	75.289.959	752.899.590.000	62.741.923	627.419.230.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.289.959	752.899.590.000	62.741.923	627.419.230.000
Cổ phiếu đang lưu hành	75.289.959	752.899.590.000	62.741.923	627.419.230.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015:10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.396.914.477.362</b>	<b>5.863.191.770.258</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thành phẩm</i>	<i>5.481.350.517.820</i>	<i>5.045.175.428.350</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>884.866.743.814</i>	<i>804.537.419.357</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>30.697.215.728</i>	<i>13.478.922.551</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(140.991.882.568)</b>	<b>(71.799.240.970)</b>
Chiết khấu thương mại	(131.748.103.895)	(64.732.546.487)
Giảm giá hàng bán	(7.190.618)	(138.854.545)
Hàng bán bị trả lại	(9.236.588.055)	(6.927.839.938)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.255.922.594.794</b>	<b>5.791.392.529.288</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thành phẩm</i>	<i>5.340.358.635.252</i>	<i>4.973.515.041.925</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>884.866.743.814</i>	<i>804.537.419.357</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp</i>	<i>30.697.215.728</i>	<i>13.340.068.006</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>6.220.237.587.500</i>	<i>5.791.392.529.288</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 32)</i>	<i>35.685.007.294</i>	<i>-</i>

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	19.556.000.062	15.651.642.728
Lãi chênh lệch tỷ giá	284.651.021	1.450.187.683
Lãi trả chậm	23.852.904.808	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	449.395.756	284.170.987
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.142.951.647</b>	<b>17.386.001.398</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.606.855.910.332	4.336.497.403.538
Giá vốn của hàng hóa đã bán	813.401.573.758	746.481.693.969
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	20.730.969.096	7.960.644.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.440.988.453.186</b>	<b>5.090.939.741.579</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>182.509.153.700</b>	<b>148.137.106.928</b>
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	4.494.223.278	8.784.401.492
- Chi phí nhân công	96.888.100.253	54.373.917.045
- Chi phí vận chuyển, bốc vác	18.815.800.414	21.155.660.197
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.150.520.174	15.271.376.046
- Chi phí quảng cáo, khuyến mại	5.543.295.871	9.226.116.501
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.445.601.822	24.578.674.554
- Chi phí khác	14.171.611.888	14.746.961.093
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>191.919.370.188</b>	<b>164.055.888.832</b>
- Chi phí văn phòng phẩm	18.321.482.725	15.084.340.217
- Chi phí nhân công	82.014.293.550	67.267.009.709
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.149.029.138	17.890.161.255
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.552.468.276	47.208.368.079
- Chi phí khác	17.882.096.499	16.606.009.572
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>374.428.523.888</b>	<b>312.192.995.760</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	110.901.027.505	94.146.779.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.531.876.518	23.723.657.990
Phí mở thư tín dụng	363.018.697	5.164.416.037
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.795.922.720</b>	<b>123.034.853.426</b>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>151.299.350.329</b>	<b>3.039.636.862</b>
Lãi từ chuyển nhượng dự án (*)	148.604.807.096	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	91.545.455	609.090.909
Thanh lý nguyên liệu, phế liệu	258.974.924	-
Thu nhập khác	2.344.022.854	2.430.545.953
<b>Chi phí khác</b>	<b>400.905.985</b>	<b>2.033.366.403</b>
Chi phí khác	400.905.985	2.033.366.403
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>150.898.444.344</b>	<b>1.006.270.459</b>

(\*) Đây là khoản lãi phát sinh từ việc chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Quê Võ 3 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VID Thanh Hóa như trình bày tại Thuyết minh số 9.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.865.565.457.500	4.821.153.381.700
Chi phí nhân công	359.762.112.339	301.596.554.632
Chi phí khấu hao và hao mòn	202.380.717.073	170.939.603.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.509.720.879	105.441.813.813
Chi phí khác	99.432.522.073	100.964.878.382
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.640.650.529.864</u></b>	<b><u>5.500.096.232.321</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 22% cho các hoạt động khác), ngoại trừ các công ty con sau:

- ▶ Công ty TNHH Hiệp Quang được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong vòng 10 năm từ năm 2007 đến năm 2017 theo Giấy chứng nhận đầu tư; và
- ▶ Các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Gà giống Dabaco và Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân là đối tượng được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp. Do vậy, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, các công ty con này đang được miễn thuế.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và các công ty con đủ điều kiện để được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi (15%) đối với hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	71.532.464.645	30.781.639.175
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.532.464.645</u></b>	<b><u>30.781.639.175</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	522.751.090.991	283.617.210.380
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	70.975.276.580	30.585.485.048
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất 15% của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	37.429.386.039	27.607.018.937
<i>Thuế suất 20% của các hoạt động khác</i>	33.545.890.541	-
<i>Thuế suất 22% của các hoạt động khác</i>	-	2.978.466.111
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	311.165.579	135.992.993
Chi phí khác không được khấu trừ	246.022.486	3.982.779
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	56.178.355
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>71.532.464.645</b>	<b>30.781.639.175</b>

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

**31.3 Thuế TNDN hoãn lại**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 124.981.455.035 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 113.798.142.846 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

						<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (1)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016</i>	
2012	2017	24.711.666.236	(8.353.674.311)	-	16.357.991.925	
2013	2018	47.890.179.507	-	-	47.890.179.507	
2014	2019	30.121.914.687	-	-	30.121.914.687	
2015	2020	15.418.885.682	-	-	15.418.885.682	
2016	2021	15.192.483.234	-	-	15.192.483.234	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>133.335.129.346</b>	<b>(8.353.674.311)</b>	<b>-</b>	<b>124.981.455.035</b>	

(1) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

2-00  
 TY  
 H  
 YOU  
 NAM  
 IANH  
 OI  
 -15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Bán hàng</i>	<i>Mua dịch vụ</i>	<i>Góp vốn bằng công nợ</i>
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	35.685.007.294	8.189.093.224	20.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	15.685.007.294	-	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Transeco	Công ty liên kết	8.189.093.224	-	

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	6.864.326.000	6.766.915.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.864.326.000</b>	<b>6.766.915.000</b>

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	451.218.626.346	252.835.571.205
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 23) (*)	-	(21.999.991.000)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>451.218.626.346</b>	<b>230.835.580.205</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	75.289.959	75.289.959
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b>	<b>75.289.959</b>	<b>75.289.959</b>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.993	3.066
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.993	3.066

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2016. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(\*\*) Như được trình bày ở Thuyết minh số 24.2, trong năm 2016, Công ty phát hành 12.548.036 cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Sau khi hoàn thành giao dịch này, số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng từ 62.741.923 cổ phiếu lên 75.289.959 cổ phiếu và theo đó, số cổ phiếu phổ thông của năm tài chính trước khi hoàn thành giao dịch này dùng để tính bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông được xác định lại là 75.289.959 cổ phiếu.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Sản xuất và bán thực ăn chăn nuôi		Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp		Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác		Loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>								
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.594.603.763.750		30.697.215.728		2.630.621.615.316		-	6.255.922.594.794
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.013.516.704.050		45.832.108.593		1.185.487.011.541		(2.244.835.824.184)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>4.608.120.467.800</b>		<b>76.529.324.321</b>		<b>3.816.108.626.857</b>		<b>(2.244.835.824.184)</b>	<b>6.255.922.594.794</b>
<b>Kết quả</b>								
Lợi nhuận trước thuế	369.441.557.990		151.915.538.351		126.719.077.035		(125.325.082.385)	522.751.090.991
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(38.085.892.547)		(29.763.928.427)		(3.682.643.671)		-	(71.532.464.645)
Lợi nhuận thuần sau thuế	331.355.665.443		122.151.609.924		123.036.433.364		(125.325.082.385)	451.218.626.346
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>								
Tổng tài sản	3.278.234.069.187		790.842.219.297		1.862.823.573.239		(402.628.038.264)	5.529.271.823.459
Tài sản bộ phận	3.278.234.069.187		790.842.219.297		1.862.823.573.239		(1.076.047.814.492)	4.855.852.047.231
Tài sản không phân bổ (*)	-		-		-		-	673.419.776.228
Tổng nợ phải trả	2.523.955.968.306		166.816.616.205		1.575.405.148.938		(1.076.047.814.492)	3.190.129.918.957
Nợ phải trả bộ phận	2.523.955.968.306		166.816.616.205		1.575.405.148.938		(1.076.047.814.492)	3.190.129.918.957

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẦN (tiếp theo)

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp			Loại trừ	Tổng cộng
	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi		
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.309.494.836.116	13.340.068.006	2.468.557.625.166	-	5.791.392.529.288
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.008.767.610.850	29.310.622.391	1.319.312.261.608	(2.357.390.494.849)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>4.318.262.446.966</b>	<b>42.650.690.397</b>	<b>3.787.869.886.774</b>	<b>(2.357.390.494.849)</b>	<b>5.791.392.529.288</b>
<b>Kết quả</b>					
Lợi nhuận trước thuế	237.295.530.141	(1.218.437.869)	97.608.339.959	(50.068.221.851)	283.617.210.380
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(29.042.653.756)	(6.479.855)	(1.732.505.564)	-	(30.781.639.175)
Lợi nhuận thuần sau thuế	208.252.876.385	(1.224.917.724)	95.875.834.395	(50.068.221.851)	252.835.571.205
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tổng tài sản	2.614.348.749.107	1.141.774.164.368	1.097.495.616.382	(238.407.802.775)	4.615.210.727.082
Tài sản bộ phận	2.614.348.749.107	1.141.774.164.368	1.097.495.616.382	(644.959.784.541)	4.208.658.745.316
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	406.551.981.766
Tổng nợ phải trả	2.336.254.876.706	162.207.294.332	815.260.804.354	(644.959.784.541)	2.668.763.190.851
Nợ phải trả bộ phận	2.336.254.876.706	162.207.294.332	815.260.804.354	(644.959.784.541)	2.668.763.190.851

(\*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### Các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản theo hợp đồng với các nhà thầu xây lắp với số tiền khoảng 296,2 tỷ đồng Việt Nam.

#### Cam kết thuê hoạt động

Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai liên quan đến các lô đất dùng để xây dựng nhà máy sản xuất, văn phòng và để phát triển các dự án bất động sản theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 - 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	76.558.682.280	78.355.336.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.010.420.772</b>	<b>89.807.074.854</b>

#### Tiền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản tiền sử dụng đất của Khu đô thị Đền Đô còn lại chưa được thanh toán bằng hình thức bù trừ là 4.188.818.000 đồng Việt Nam (Thuyết minh số 19).

Theo Biên bản làm việc số 15/BB-LV ký ngày 13 tháng 8 năm 2013 giữa Công ty và Chi cục thuế Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Chi cục thuế Thị xã Từ Sơn đã xác định số tiền sử dụng đất của Dự án mà Công ty còn phải thanh toán là 14,5 tỷ đồng Việt Nam, trong đó 13,5 tỷ đồng Việt Nam sẽ được thanh toán bù trừ với khối lượng giá trị xây lắp cơ sở hạ tầng của Dự án khi được quyết toán và phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng việc thanh toán tiền sử dụng đất phụ thuộc vào tiến độ quyết toán phần hạ tầng kỹ thuật của Dự án với địa phương, nên Công ty sẽ không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay chi phí phát sinh nào liên quan đến sử dụng đất của Dự án.

### 36. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Đã được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Được trình bày lại</i>
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (*)	18.943.829.017	75.549.608.692	94.493.437.709
Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	104.281.720.548	(75.549.608.692)	28.732.111.856

(\*) Thay đổi cách thức cản trừ số dư trích trước các khoản chiết khấu thương mại với tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của TT 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, do số dư của tài khoản phải thu của khách hàng không đủ để giảm trừ khoản chiết khấu này nên số dư còn lại được trình bày trên tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ngày 16 tháng 2 năm 2017